

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2026/HSST

Ngày 06/01/2026.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đình Tình

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Thảo và ông Nguyễn Đình Phụng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Văn Mạnh – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2025/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2025; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 03/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐHS-HPT đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị P** ; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: không có

Sinh ngày 02/01/1988; tại tỉnh Yên Bái (nay là tỉnh Lào Cai).

Nơi cư trú: Buôn Ea Rông, xã Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán;

Con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1965. Có chồng là Phạm Anh T1 – Sinh năm 1977 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa .

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn Đ1 – Sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

3. Ông Phạm Y Phô Ê - Sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Minh H – Sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk.(vắng mặt)

5. Bà H Mái K - Sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Quốc Đ2 – Sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

7. Bà Bé Thị U - Sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk, (vắng mặt)

8. Bà H Brôn Ê1 - Sinh năm 1988
 Nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

9. Bà H' E Siu - Sinh năm 1988
 Nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

10. Bà H S Ra Byă - Sinh năm 1992
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

11. Ông Nguyễn Văn H2 – Sinh năm 1992
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

12. Bà H Diên K1 - Sinh năm 1988
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

13. Ông Lê Văn L – Sinh năm 1980
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

14. Bà H Nhơn K2 - Sinh năm 1966
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

15. Bà H Thọa K3 - Sinh năm 1990
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

16. Bà H Y N - Sinh năm 1972
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

17. Bà H Đấp R - Sinh năm 1988
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

18. Bà H Hiêm A - Sinh năm 1983
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

19. Bà H Nhớ G - Sinh năm 1999
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

20. Ông Y Chội B – Sinh năm 1972
 Nơi cư trú: Buôn Đ, Buôn Đ, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

21. Bà Đa Niêng K4 - Sinh năm 2001
 Nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

22. Ông Y Kiêng K5 – Sinh năm 1990
 Nơi cư trú: Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

23. Bà H Hà K6 - Sinh năm 1990
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

24. Ông Y Gen R1 – Sinh năm 1999.
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

25. Ông Y Goa B1 – Sinh năm 2002.
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

26. Bà H Pộp B2 - Sinh năm 1977
 Nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

27. Ông Nang Phôm Nhom N1 – Sinh năm 2004.
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

28. Bà Hà Vi Ê B3 - Sinh năm 2007
 Nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

29. Ông Bun Nhọc L1 – Sinh năm 1992.
 Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

30. Bà H Triều K7 - Sinh năm 2006
Nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
31. Bà H Hoa K8 - Sinh năm 2004
Nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
32. Bà H Lư L2 - Sinh năm 1976
Nơi cư trú: Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
33. Ông Y Gem G1 – Sinh năm 2003.
Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
34. Bà H Sáo In Địa Bkrông - Sinh năm 1987
Nơi cư trú: Buôn J, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
35. Ông Triệu Văn L3 – Sinh năm 1998.
Nơi cư trú: Thôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
36. Ông Nguyễn Đức H3 – Sinh năm 1999.
Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
37. Bà H Dẽ K9 - Sinh năm 1990.
Nơi cư trú: Buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
38. Bà H Chăn Ly N2 - Sinh năm 2001.
Nơi cư trú: Buôn J, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
39. Bà H Chặng M - Sinh năm 1988.
Nơi cư trú: Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
40. Ông Y Bin R2 – Sinh năm 2002.
Nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
41. Bà Nguyễn Thị Thanh T2 - Sinh năm 1995.
Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
42. Bà Văn Thị Lệ T3 - Sinh năm 1968.
Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
43. Bà H Khắt H4 - Sinh năm 1989.
Nơi cư trú: Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
44. Bà H Huyền R3 - Sinh năm 1996.
Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
45. Bà Vong Đào L4 - Sinh năm 1972.
Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
46. Bà H Du R4 - Sinh năm 2001
Nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
47. Bà Ni Sa K10 - Sinh năm 1994
Nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
48. Ông Ma Tuấn H5 - Sinh năm 2000
Nơi cư trú: Thôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
49. Bà H Lạng H6 - Sinh năm 1983
Nơi cư trú: Buôn J, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
50. Bà H On Kẹo H7 - Sinh năm 1974
Nơi cư trú: Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
51. Bà H Loét N3 - Sinh năm 1984
Nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
52. Bà H Vong Dương L5 - Sinh năm 1970

Nơi cư trú: Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
53. Ông Y Yit S1 - Sinh năm 1993
Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
54. Ông Y Sắc R5 - Sinh năm 2000
Nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
55. Ông Nguyễn Xuân T4 - Sinh năm 1994
Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
56. Bà H Bin K11 - Sinh năm 1998
Nơi cư trú: Buôn J, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
57. Bà Trần Hải Y - Sinh năm 2000
Nơi cư trú: Thôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
58. Ông Y Bun ĩn N4 - Sinh năm 2005
Nơi cư trú: Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
59. Ông Nguyễn Chanh N5 - Sinh năm 2004
Nơi cư trú: Thôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
60. Bà H Ứ H8 - Sinh năm 1991
Nơi cư trú: Buôn J, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
61. Ông Y Ly Ya B4 - Sinh năm 1990
Nơi cư trú: Buôn J, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
62. Bà H Huyền K12 - Sinh năm 1995
Nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
63. Ông Y Mon K13 - Sinh năm 2002
Nơi cư trú: Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
64. Bà H Cua A1 - Sinh năm 1991
Nơi cư trú: Buôn Ea Rông B, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
65. Bà Lê Thị Thúy Đ3 - Sinh năm 1988
Nơi cư trú: Buôn Ea Rông B, xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối năm 2023 đến đầu năm 2025, trong quá trình sinh sống tại địa phương, nhận thấy việc cho người dân vay tiền với lãi suất cao nhanh chóng thu được nhiều lợi nhuận nên Nguyễn Thị P, nảy sinh ý định cho người dân vay tiền hình thức vay tiền “đứng” để lấy lãi. Khi có người muốn vay tiền thì liên hệ với P qua số điện thoại 0902634588 hoặc tài khoản Zalo tên “Nguyễn Thị P” để đến nhà của P làm thủ tục vay tiền. Tại đây, P yêu cầu người vay tiền phải để lại giấy tờ tùy thân cho P giữ làm tin rồi viết một giấy vay mượn tiền. Sau đó, P giao tiền mặt trực tiếp cho người vay hoặc sử dụng số tài khoản 5213205920168 ngân hàng A4 và số tài khoản 21198856789 ngân hàng Q của P để chuyển tiền cho người vay. P cho vay dưới hình thức vay tiền “đứng”, hàng tháng trả lãi một lần, lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương ứng với mức lãi suất từ 109.5%/năm đến 365%/năm). Hàng tháng, người vay đến gặp P trực tiếp để trả tiền lãi hoặc chuyển khoản đến các tài khoản nêu trên của P. Từ tháng 9

năm 2023 đến tháng 01 năm 2025, P đã trực tiếp cho 63 người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị P cho ông Phạm Y Phổ Ê, sinh năm 1997, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 23/9/2023, Nguyễn Thị P cho ông Phạm Y P1 ÊBán vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 216 ngày tiền lãi, với số tiền 6.480.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 591.781 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 5.888.219 đồng. Hiện ông Y P1 còn nợ P 5.000.000 đồng tiền gốc.

2. Nguyễn Thị P cho ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1987, trú tại thôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Tháng 3/2024, bị cáo Nguyễn Thị P cho ông Nguyễn Minh H vay số tiền 1.500.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 1.500.000 đồng tiền gốc và 20 ngày tiền lãi, với số tiền 300.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 365%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 16.438 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 283.562 đồng.

3. Nguyễn Thị P cho bà H Mái K, sinh năm 1983, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 01/6/2024, Nguyễn Thị P cho bà H Mái Ksor vay số tiền 4.500.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 3.500.000 đồng tiền gốc và 100 ngày tiền lãi, với số tiền 2.700.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 246.575 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 2.453.425 đồng. Hiện bà H M1 còn nợ P 1.000.000 đồng tiền gốc.

4. Nguyễn Thị P đã cho ông Nguyễn Quốc Đ2, sinh năm 1987, trú tại: Buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 12/9/2024, Nguyễn Thị P cho ông Nguyễn Quốc Đ2 vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 10.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 1.800.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.635.616 đồng.

Lần 02: Ngày 12/10/2024, P cho ông Đ2 vay số tiền 20.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 20.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 3.600.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 328.767 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 3.271.233 đồng.

Lần 03: Ngày 12/11/2024, P cho ông Đ2 vay số tiền 30,000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 15.000.000 đồng tiền gốc và 45 ngày tiền lãi, với số tiền 8.100.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 739.726 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 7.360.274 đồng.

Tổng số tiền gốc bị cáo P cho ông Đ2 vay là 60.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 12.267.123 đồng. Hiện nay ông Đ2 còn nợ P 15.000.000 đồng tiền gốc.

5. Nguyễn Thị P cho bà Bé Thị U, sinh năm 1989, trú tại thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần cụ thể:

Lần 01: Ngày 01/11/2024, Nguyễn Thị P cho bà Bé Thị U vay số tiền 90.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 16.200.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 1.479.452 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 14.720.548 đồng.

Lần 02: Ngày 15/12/2024, P cho bà U vay số tiền 54.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 9.720.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 887.671 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 8.832.329 đồng.

Tổng số tiền gốc bị cáo P cho bà U vay là 144.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 23.552.877 đồng. Hiện nay bà U còn nợ P 144.000.000 đồng tiền gốc.

6. Nguyễn Thị P cho bà H Brôn Ê1, sinh năm 1988, trú tại Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 01: Ngày 12/11/2024, Nguyễn Thị P cho bà H Brôn Êban vay số tiền 2.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 2.000.000 đồng tiền gốc và 60 ngày tiền lãi, với số tiền 720.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 65.753 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 654.247 đồng.

Lần 02: Ngày 27/11/2024, P cho bà H Brôn vay số tiền 8.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 8.000.000 đồng tiền gốc và 61 ngày tiền lãi, với số tiền 2.928.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 267.397 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 2.660.603 đồng.

Lần 03: Ngày 13/12/2024, P cho bà H Brôn vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 10.000.000 đồng tiền gốc và 31 ngày tiền lãi, với số tiền 1.860.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 169.863 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.690.137 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho bà H Brôn Êban vay là 20.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 5.004.986 đồng.

7. Nguyễn Thị P cho bà H' E Siu, sinh năm 1988, trú tại Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay 09 lần cụ thể như sau:

Lần 01: Ngày 08/10/2024, Nguyễn Thị P cho bà H' E Siu vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 930.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 84.932 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 845.068 đồng.

Lần 02: Ngày 18/10/2024, P cho bà H' E Siu vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 1.860.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm)

còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 169.863 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.690.137 đồng.

Lần 03: Ngày 22/10/2024, P cho bà H' E Siu vay số tiền 4.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 744.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 67.945 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 676.055 đồng.

Lần 04: Ngày 30/10/2024, P cho bà H' E Siu vay số tiền 2.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 360.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 32.877 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 327.123 đồng.

Lần 05: Ngày 01/11/2024, P cho bà H' E Siu vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 900.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 817.808 đồng.

Lần 06: Ngày 05/11/2024, P cho bà H' E Siu vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 900.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 817.808 đồng.

Lần 07: Ngày 12/11/2024, P cho bà H' E Siu vay số tiền 3.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 60 ngày tiền lãi, với số tiền 1.080.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 98.630 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 981.370 đồng.

Lần 08: Ngày 05/12/2024, P cho bà H' E Siu vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 930.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 84.932 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 845.068 đồng.

Lần 09: Ngày 29/12/2024, P cho bà H' E Siu vay số tiền 30.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 5.580.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 509.589 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 5.070.411 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho bà H' E Siu vay là 69.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 12.070.849 đồng. Hiện nay bà H' E Siu còn nợ P 69.000.000 đồng tiền gốc.

8. Nguyễn Thị P cho bà H Sun Ra B5, sinh năm 1992, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 12/10/2024, P cho bà S Ra Byă vay số tiền 20.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 20.000.000 đồng tiền gốc và 45 ngày tiền lãi, với số tiền 5.400.000 đồng (tương

ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 493.151 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 4.906.849 đồng.

Lần 02: Ngày 12/11/2024, P cho bà H Sun Ra vay số tiền 30.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 30.000.000 đồng tiền gốc và 45 ngày tiền lãi, với số tiền 8.100.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 739.726 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 7.360.274 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho Sun R6 Bĩa vay là 50.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 12.267.123 đồng.

9. Nguyễn Thị P cho ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1992, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 03 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 07/11/2024, P cho ông H2 vay số tiền 25.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 61 ngày tiền lãi, với số tiền 9.150.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 835.616 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 8.314.384 đồng.

Lần 02: Ngày 21/12/2024, P cho ông H2 vay số tiền 20.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 3.720.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 339.726 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 3.380.274 đồng.

Lần 03: Ngày 30/12/2024, P cho ông H2 vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 1.860.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 169.863 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.690.137 đồng.

Tổng số tiền gốc, P cho ông Nguyễn Văn H2 vay là 55.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 13.384.795 đồng. Hiện nay ông H2 còn nợ P số tiền 55.000.000 đồng tiền gốc.

10. Nguyễn Thị P cho bà H Diên K1, sinh năm 1988, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 09/11/2024, P cho bà H Diên vay số tiền 14.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 14.000.000 đồng tiền gốc và 57 ngày tiền lãi, với số tiền 4.788.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 437.260 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 4.350.740 đồng.

Lần 02: Ngày 27/12/2024, P cho bà H Diên vay số tiền 20.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 3.600.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 328.767 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 3.271.233 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho bà H Diên Knul vay là 34.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 7.621.973 đồng. Hiện nay bà H D còn nợ P số tiền 15.000.000 đồng tiền gốc.

11. Nguyễn Thị P cho ông Lê Văn L, sinh năm 1980, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh

Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 07/8/2024, P cho ông Lê Văn L vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 900.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 817.808 đồng. Hiện nay ông L còn nợ bị cáo P 5.000.000 đồng tiền gốc.

12. Nguyễn Thị P cho bà H Nhơn K2, sinh năm 1966, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 30/12/2024, P cho bà H Nhơn Knul vay số tiền 18.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 3.000.000 đồng tiền gốc 39 ngày tiền lãi, với số tiền 4.212.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 384.658 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 3.827.342 đồng. Hiện bà H N6 còn nợ P 15.000.000 đồng tiền gốc.

13. Nguyễn Thị P cho bà H Thọa K3, sinh năm 1990, trú tại buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 26/10/2024, P cho bà H Thọa Knul vay số tiền 15.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 10.000.000 đồng tiền gốc và 45 ngày tiền lãi, với số tiền 4.050.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 369.863 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 3.680.137 đồng.

Lần 02: Ngày 09/11/2024, P cho bà H Thọa vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 10.000.000 đồng tiền gốc và 45 ngày tiền lãi, với số tiền 2.700.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 246.575 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 2.453.425 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho bà H Thọa Knul vay là 25.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 6.133.562 đồng. Hiện nay bà H T5 còn nợ P 5.000.000 đồng tiền gốc.

14. Nguyễn Thị P cho bà H Y N, sinh năm 1972, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 10/12/2024, P cho vay bà H Y Niê số tiền 30.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 10.000.000 đồng tiền gốc 30 ngày tiền lãi, với số tiền 5.400.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 493.151 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 4.906.849 đồng. Hiện bà H Y còn nợ bị cáo P 20.000.000 đồng tiền gốc.

15. Nguyễn Thị P cho bà H Đáp R, sinh năm 1988, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 10/12/2024, P cho bà H Đáp Rya vay số tiền 45.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 40.000.000 đồng tiền gốc 01 lần 30 ngày tiền lãi với số tiền 8.100.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 739.726 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 7.360.274 đồng. Hiện nay bà H Đ4

còn nợ bị cáo P 5.000.000 đồng tiền gốc.

16. Nguyễn Thị P cho bà H Hiêm A, sinh năm 1983, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 01/11/2024, P cho bà H Hiêm A đong vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khoản vay này, P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 1.860.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 169.863 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.690.137 đồng. Hiện nay bà H H9 còn nợ P 10.000.000 đồng tiền gốc.

17. Nguyễn Thị P cho bà H Nhớ G, sinh năm 1999, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 24/12/2024, P cho bà H Nhớ Glan vay số tiền 1.500.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 15 ngày tiền lãi, với số tiền 135.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 12.329 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 122.671 đồng. Hiện nay bà H N7 còn nợ P 1.500.000 đồng tiền gốc.

18. Nguyễn Thị P cho ông Y Chội B, sinh năm 1972, trú tại Buôn Đ, Buôn Đ, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 04 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 18/10/2024, P cho ông Y Chội B vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 31 ngày tiền lãi, với số tiền 930.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 84.932 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 845.068 đồng.

Lần 02: Ngày 09/11/2024, P cho ông Y C vay số tiền 15.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 15.000.000 đồng tiền gốc và 31 ngày tiền lãi, với số tiền 2.790.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 254.795 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 2.535.205 đồng.

Lần 03: Ngày 13/12/2024, P cho ông Y C vay số tiền 12.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 12.000.000 đồng tiền gốc và 31 ngày tiền lãi, với số tiền 2.232.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 203.836 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 2.028.164 đồng.

Lần 04: Ngày 13/12/2024, P cho ông Y C vay số tiền 30.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 7.000.000 đồng tiền gốc và 31 ngày tiền lãi, với số tiền 5.580.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 509.589 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 5.070.411 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho ông Y C vay là 62.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 10.478.849 đồng. Hiện nay ông Y C còn nợ P 23.000.000 đồng tiền gốc.

19. Nguyễn Thị P cho bà Đa Niêng K4, sinh năm 2001, trú tại buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 27/11/2024, P cho bà Đ5 Niêng Ksor vay số tiền 2.000.000 đồng,

dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 2.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 360.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 32.877 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 327.123 đồng.

Lần 02: Ngày 04/12/2024, P cho bà Đa N8 vay số tiền 3.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 3.000.000 đồng tiền gốc và 31 ngày tiền lãi, với số tiền 558.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 50.959 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 507.041 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho bà Đa N8 Ksor vay là 5.000.000 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 834.164 đồng.

20. Nguyễn Thị P cho ông Y Kiêng K5, sinh năm 1990, trú tại Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 24/11/2024, P cho ông Y Kiêng K5 vay số tiền 6.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 1.080.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 98.630 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 981.370 đồng.

Lần 2: Ngày 14/12/2024, P cho ông Y K14 vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 930.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 84.932 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 845.068 đồng.

Lần 3: Ngày 30/12/2024, P cho ông Y K14 vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 930.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 84.932 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 845.068 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho ông Y Kiêng K5 vay là 16.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.671.507 đồng. Hiện nay ông Y K14 còn nợ P 16.000.000 đồng tiền gốc.

21. Nguyễn Thị P cho bà H Hà K6, sinh năm 1990, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 19/9/2024, P cho bà H Hà K6 vay số tiền 6.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, đến ngày 19/12/2024, P đã thu được 1.000.000 đồng tiền gốc và 60 ngày tiền lãi, với số tiền 2.160.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 197.260 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.962.740 đồng. Đối với 5.000.000 đồng tiền vay gốc còn lại, P đã thu 5.000.000 đồng tiền gốc và 10 ngày tiền lãi, với số tiền 300.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 27.397 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 272.603 đồng. (BL 81-94; 111-207; 306-310).

22. Nguyễn Thị P cho ông Y Gen R1, sinh năm 1999, cư trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 14/12/2024, P cho ông Y Gen R1 vay số tiền 1.400.000 đồng, dưới hình

thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khoản vay này, P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 252.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 23.014 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 228.986 đồng. Hiện nay ông Y G2 còn nợ bị cáo P 1.400.000 đồng tiền gốc.

23. Nguyễn Thị P cho ông Y Goa B1, sinh năm 2002, cư trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 08/6/2024, P cho ông Y Goa B1 vay số tiền 3.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 61 ngày tiền lãi, với số tiền 1.098.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 100.274 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 997.726 đồng. Hiện nay ông Y G3 còn nợ bị cáo P 3.000.000 đồng tiền gốc.

24. Nguyễn Thị P cho bà H Pôp B2, sinh năm 1977, cư trú tại Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 12/8/2024, P cho bà H Pôp Byă vay số tiền 4.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Bị cáo P đã thu được 4.000.000 đồng tiền gốc và 61 ngày tiền lãi, với số tiền 1.464.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 133.699 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.330.301 đồng.

Lần 02: Ngày 23/9/2024, P cho bà H Pôp vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 900.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 817.808 đồng.

Tổng số tiền gốc bị cáo P cho bà H Pôp Byă vay là 9.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.148.110 đồng.

25. Nguyễn Thị P cho ông Nang Phôm Nhom N1, sinh năm 2004, cư trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 18/12/2024, P cho ông N9 Phôm Nhom N1 vay số tiền 1.200.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 216.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 19.726 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 196.274 đồng. Hiện nay ông Nang Phôm N10 còn nợ bị cáo P 1.200.000 đồng tiền gốc.

Nguyễn Thị P2 cho bà Hà Vi Ê B3, sinh năm 2007, cư trú tại Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

26. Ngày 06/8/2024, P cho bà Hà Vi Ê2 Ban vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 2.000.000 đồng tiền gốc và 90 ngày tiền lãi, với số tiền 2.700.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 246.575 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 2.453.425 đồng. Hiện nay bà Hà V còn nợ P 3.000.000 đồng tiền gốc.

27. Nguyễn Thị P cho ông Bun Nhọc L1, sinh năm 1992, cư trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 05/11/2024, P cho ông B7 Nhọc Lào vay số tiền 2.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 2.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 180.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 109.5%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 32.877 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 147.123 đồng.

Lần 2: Ngày 07/12/2024, P cho ông B7 Nhọc Lào vay số tiền 1.500.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 500.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 135.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 109.5%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 24.658 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 110.342 đồng.

Tổng số tiền gốc bị cáo P cho ông Bun N11 Lào vay là 3.500.000 đồng. P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 257.466đ. Hiện nay ông Bun N11 Lào còn nợ P 1.000.000 đồng tiền gốc.

28. Nguyễn Thị P cho bà H Triều K7, sinh năm 2006 cư trú tại Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 15/11/2024, P cho bà H Triều Kbuôr vay số tiền 22.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 3.960.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 361.644 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 3.598.356 đồng.

Lần 2: Ngày 13/12/2024, P cho bà H Triều vay số tiền 2.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 14 ngày tiền lãi, với số tiền 168.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 15.342 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 152.658 đồng.

Tổng số tiền gốc bị cáo P cho bà H Triều Kbuôr vay là 24.000.000 đồng. P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 3.751.014 đồng. Hiện nay bà H T6 còn nợ P 24.000.000 đồng tiền gốc.

29. Nguyễn Thị P cho bà H Hoa K8, sinh năm 2004, cư trú tại Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 25/8/2024, P cho bà H Hoa Kbuôr vay số tiền 3.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 123 ngày tiền lãi, với số tiền 2.214.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 202.192 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 2.011.808 đồng. Hiện nay bà H H10 còn nợ bị cáo P 3.000.000 đồng tiền gốc.

30. Nguyễn Thị P cho bà H Lư L2, sinh năm 1976, cư trú tại Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 13/9/2024, P cho bà H Lư Lào vay số tiền 30.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 60 ngày tiền lãi, với số tiền 10.800.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 986.301 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 9.813.699 đồng. Hiện bà H Lư L2 còn nợ P 30.000.000 đồng tiền gốc.

31. Nguyễn Thị P cho ông Y Gem G1, sinh năm 2003, cư trú tại Buôn E, xã B,

tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 14/12/2024, P cho ông Y Gem G1 vay số tiền 1.400.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 252.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 23.014 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 228.986 đồng. Hiện ông Y G4 còn nợ P 1.400.000 đồng tiền gốc.

32. Nguyễn Thị P cho bà H Sáo In Địa Bkrông, sinh năm 1987, cư trú tại Buôn J, xã E, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 11/11/2024, P cho bà H Sáo In Địa Bkrông vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khoản vay này đến ngày 23/11/2024, P đã thu được 4.000.000 đồng tiền gốc và 13 ngày tiền lãi, với số tiền 780.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 71.233 đồng. P đã thu lợi bất chính số tiền là 708.767 đồng. Đối với 6.000.000 đồng tiền vay gốc còn lại, P đã thu 6.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 1.080.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 98.630 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 981.370 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.690.137 đồng.

Lần 02: Ngày 16/12/2024, P cho bà H Sáo In Địa vay số tiền 4.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 4.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 720.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 65.753 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 654.247 đồng.

Lần 03: Ngày 18/12/2024, P cho bà H Sáo In Địa vay số tiền 3.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 3.000.000 đồng tiền gốc và 15 ngày tiền lãi, với số tiền 270.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 24.658 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 245.342 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho bà H Sáo In Địa Bkrông vay là 17.000.000 đồng. P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.589.726 đồng.

33. Nguyễn Thị P cho ông Triệu Văn L3, sinh năm 1998, cư trú tại Thôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 02/01/2025, P cho ông Triệu Văn L3 vay số tiền 23.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 4.278.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 390.685 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 3.887.315 đồng. Hiện nay ông L3 còn nợ P 23.000.000 đồng tiền gốc.

34. Nguyễn Thị P cho ông Nguyễn Đức H3, sinh năm 1999, cư trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 17/12/2024, P cho ông Nguyễn Đức H3 vay số tiền 7.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 1.302.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 118.904

đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.183.096 đồng. Hiện nay ông H3 còn nợ P 7.000.000 đồng tiền gốc.

35. Nguyễn Thị P cho bà H Dẽ K9, sinh năm 1990, cư trú tại Buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 23/11/2024, P cho bà H Dẽ Kbuôr vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 900.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 817.808 đồng.

Lần 02: Ngày 02/12/2024, P cho bà H Dẽ vay số tiền 2.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 2.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 360.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 32.877 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 327.123 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho bà H' Dẽ Kbuôr vay là 7.000.000 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.144.932 đồng.

36. Nguyễn Thị P cho bà H Chăn Ly N2, sinh năm 2001, cư trú tại Buôn J, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 05/7/2024, P cho bà H Chăn Ly N2 vay số tiền 3.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 540.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 49.315 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 490.685 đồng. Hiện nay bà H Chăn L6 còn nợ P 3.000.000 đồng tiền gốc.

37. Nguyễn Thị P cho bà H Chặng M, sinh năm 1988, cư trú tại Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 21/11/2024, P cho bà H Chặng Mlô vay số tiền 4.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 50 ngày tiền lãi, với số tiền 1.200.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 109.589 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.090.411 đồng. Hiện nay bà H C1 còn nợ P 4.000.000 đồng tiền gốc.

38. Nguyễn Thị P cho ông Y Bin R2, sinh năm 2002, trú tại xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 26/12/2024, P cho ông Y Bin R2 vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 930.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 84.932 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 845.068 đồng.

Lần 2: Ngày 02/01/2024, P cho ông Y B6 vay số tiền 4.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 744.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 67.945 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 676.055 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho ông Y Bin R2 vay là 9.000.000 đồng, bị cáo P đã thu

lợi bất chính tổng số tiền là 1.521.123 đồng. Hiện nay ông Y B6 còn nợ bị cáo P 9.000.000 đồng tiền gốc.

39. Nguyễn Thị P cho bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1995, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 23/12/2024, Nguyễn Thị P cho bà Nguyễn Thị Thanh T7 vay số tiền 15.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 15.000.000 đồng tiền gốc và 31 ngày tiền lãi, với số tiền 2.790.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 254.795 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 2.535.205 đồng.

40. Nguyễn Thị P cho bà Văn Thị Lệ T3, sinh năm 1968, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 15/8/2024, Nguyễn Thị P cho bà Văn Thị Lệ T3 vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 61 ngày tiền lãi, với số tiền 1.830.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 167.123 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.662.877 đồng.

Lần 2: Ngày 14/12/2024, vay số tiền 12.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 12.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 2.160.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 197.260 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.962.740 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho bà Văn Thị Lệ T3 vay là 17.000.000 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 3.625.616 đồng.

41. Nguyễn Thị P cho bà H Khắt H4, sinh năm 1989, trú tại Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 17/11/2024, P cho bà H Khắt Hwing vay số tiền 12.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Khoản vay này P chưa thu tiền lãi và tiền gốc.

Lần 2: Ngày 27/12/2024, P cho bà H Khắt vay số tiền 20.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 15 ngày tiền lãi, với số tiền 1.800.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.635.616 đồng.

Lần 3: Ngày 31/12/2024, P cho bà H Khắt vay số tiền 25.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 15 ngày tiền lãi, với số tiền 2.250.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 205.479 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 2.044.521 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho bà H Khắt Hwing vay là 57.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 3.680.137 đồng. Hiện nay bà H K15 còn nợ P 57.000.000 đồng tiền gốc.

42. Nguyễn Thị P cho bà H Huyền R3, sinh năm 1996, trú tại buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 10/12/2024, P cho bà H Huyền Rya vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới

hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 900.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 817.808 đồng.

43. Nguyễn Thị P cho bà Vong Đào L4, sinh năm 1972, trú tại buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 02/12/2024, P cho bà Vong Đào L4 vay số tiền 11.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P chưa thu tiền lãi và tiền gốc. Hiện nay bà Vong Đào L4 vẫn nợ P 11.000.000 đồng tiền gốc.

44. Nguyễn Thị P cho bà H Du R4, sinh năm 2001, trú tại Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 14/11/2024, P cho bà H Du Rya vay số tiền 3.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 540.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 49.315 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 490.685 đồng. Hiện nay bà H D1 còn nợ P 3.000.000 đồng tiền gốc.

45. Nguyễn Thị P cho bà Ni Sa K10, sinh năm 1994, trú tại Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 16/12/2024, P cho bà Ni Sa K10 vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 900.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 817.808 đồng.

Lần 2: Ngày 25/12/2024, P cho bà Ni S2 vay số tiền 15.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 15.000.000 đồng tiền gốc và 31 ngày tiền lãi, với số tiền 2.790.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 254.795 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 2.535.205 đồng.

Tổng số tiền gốc bị cáo P cho bà Ni Sa K10 vay là 20.000.000 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 3.353.014 đồng.

46. Nguyễn Thị P cho ông Ma Tuấn H5, sinh năm 2000, trú tại thôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 02/8/2024, P cho ông Ma Tuấn H5 vay số tiền 20.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 20.000.000 đồng tiền gốc và 15 ngày tiền lãi, với số tiền 1.800.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.635.616 đồng.

Lần 2: Ngày 04/8/2024, P cho ông H5 vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày. P đã thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 15 ngày tiền lãi, với số tiền 450.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 41.096 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 408.904 đồng.

Tổng số tiền gốc bị cáo P cho ông Ma Tuấn H5 vay là 25.000.000 đồng. P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.044.521 đồng.

47. Nguyễn Thị P cho bà H Lạng H6, sinh năm 1983, trú tại Buôn J, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 7/11/2024, bị cáo Nguyễn Thị P cho bà H Lạng Hwing vay số tiền 6.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 61 ngày tiền lãi, với số tiền 2.196.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 200.548 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.995.452 đồng. Hiện nay bà H L7 còn nợ P 6.000.000 đồng tiền gốc.

48. Nguyễn Thị P cho bà H On Kẹo H7, sinh năm 1974, trú tại Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 22/11/2024, bị cáo Nguyễn Thị P cho bà H On Kẹo Hwing vay số tiền 7.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 7.000.000 đồng tiền gốc và 15 ngày tiền lãi, với số tiền 630.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 57.534 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 572.466 đồng.

49. Nguyễn Thị P cho bà H Loét N3, sinh năm 1984, trú tại Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 04/12/2024, P cho bà H Loét Niê vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 10.000.000 đồng tiền gốc và 62 ngày tiền lãi, với số tiền 3.720.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 339.726 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 3.380.274 đồng.

Lần 2: Ngày 05/12/2024, P cho bà H Loét vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 1.800.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.635.616 đồng.

Lần 3: Ngày 12/12/2024, P cho bà H Loét vay số tiền 20.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 3.600.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 328.767 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 3.271.233 đồng.

Tổng số tiền gốc P cho bà H Loét Niê vay là 40.000.000 đồng, P đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 8.287.123 đồng. Hiện bà H L8 còn nợ P 30.000.000 đồng tiền gốc.

50. Nguyễn Thị P cho bà H Vong Dương L5, sinh năm 1970, trú tại Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 03/12/2024, bị cáo Nguyễn Thị P cho bà H Vong Dương Lào vay số tiền 4.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 15 ngày tiền lãi, với số tiền 360.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 32.877 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 327.123 đồng. Hiện nay bà H Vong Đ6 Lào còn nợ P 4.000.000 đồng tiền gốc.

51. Nguyễn Thị P cho ông Y Yít S1, sinh năm 1993, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 27/8/2024, bị cáo Nguyễn Thị P cho ông Y Yít S1 vay số tiền 1.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 60 ngày tiền lãi, với số tiền 360.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 32.877 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 327.123 đồng. Hiện ông Y Yít S1 còn nợ P 1.000.000 đồng tiền gốc.

52. Nguyễn Thị P cho ông Y Sắc R5, sinh năm 2000, trú tại Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 07/8/2024, P cho ông Y Sắc R5 vay số tiền 6.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 54 ngày tiền lãi, với số tiền 1.944.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 177.534 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.766.466 đồng. Hiện ông Y S3 còn nợ P 6.000.000 đồng tiền gốc.

53. Nguyễn Thị P cho ông Nguyễn Xuân T4, sinh năm 1994, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 12/5/2024, P cho ông Nguyễn Xuân T4 vay số tiền 3.500.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 2.300.000 đồng tiền gốc và 100 ngày tiền lãi, với số tiền 2.100.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 191.781 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.908.219 đồng. Hiện nay ông T4 còn nợ P 1.200.000 đồng tiền gốc.

54. Nguyễn Thị P cho ông H Bin K11, sinh năm 1998, trú tại Buôn J, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 07/6/2024, P cho ông H Bin Knul vay số tiền 3.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 3.000.000 đồng tiền gốc và 83 ngày tiền lãi, với số tiền 1.494.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 136.438 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.357.562 đồng.

55. Nguyễn Thị P cho bà Trần Hải Y, sinh năm 2000, trú tại thôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 25/8/2024, P cho bà Trần Hải Y vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 2.000.000 đồng tiền gốc và 31 ngày tiền lãi, với số tiền 930.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 84.932 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 845.068 đồng. Hiện nay bà Y còn nợ P 3.000.000 đồng tiền gốc. (BL 81-94; 111-207; 284-288).

56. Nguyễn Thị P cho ông Y Bun ĩn N4, sinh năm 2005, trú tại buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 01/1/2025, P cho ông Y Bun ĩn N4 vay số tiền 6.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 31 ngày tiền lãi, với số tiền 1.116.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 101.918 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.014.082 đồng. Hiện ông Y B7 còn nợ P 6.000.000 đồng tiền gốc.

57. Nguyễn Thị P cho ông Nguyễn Chanh N5, sinh năm 2004, trú tại thôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 30/10/2024, P cho ông N5 vay số tiền 3.520.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 01 tháng đối với khoản vay trên là 450.000 đồng. P đã thu được 1.520.000 đồng tiền gốc và 02 lần tiền lãi, với số tiền 900.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 155.54%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 115.726 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 784.274 đồng. Hiện nay ông N5 còn nợ P 2.000.000 đồng tiền gốc.

58. Nguyễn Thị P cho bà H Ú H8, sinh năm 1991, trú tại buôn J, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01, cụ thể:

Ngày 19/9/2025, bị cáo Nguyễn Thị P cho bà H Ú Hmok vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 30 ngày tiền lãi, với số tiền 900.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 817.808 đồng.

59. Nguyễn Thị P cho ông Y Ly Ya B4, sinh năm 1990, trú tại buôn J, xã E, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 02/10/2024, P cho ông Y Ly Ya B4 vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 60 ngày tiền lãi, với số tiền 1.800.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.635.616 đồng.

60. Nguyễn Thị P cho bà H Huyền K12, sinh năm 1995, trú tại buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 02/10/2024, P cho bà H Huyền Ksor vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 10.000.000 đồng tiền gốc và 31 ngày tiền lãi, với số tiền 1.860.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm). Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 169.863 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 1.690.137 đồng.

61. Nguyễn Thị P cho ông Y Mon K13, sinh năm 2002, trú tại Buôn T, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 12/12/2024, P cho ông Y Mon K13 vay số tiền 2.500.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 30 ngày tiền lãi, với số tiền 450.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 41.096 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 408.904 đồng. Hiện nay ông Y M2 còn nợ P 2.500.000 đồng tiền gốc.

62. Nguyễn Thị P cho bà H Cua A1, sinh năm 1991, trú tại buôn Ea Rông B, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 15/11/2024, P cho bà H Cua Ayun vay số tiền 12.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu được 45 ngày tiền lãi, với số tiền 3.240.000 đồng (tương ứng với mức lãi suất 219%/năm) còn tiền gốc P chưa thu được. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 295.890 đồng, P đã thu lợi bất chính số tiền là 2.944.110 đồng.

Lần 2: Ngày 24/12/2024, P cho bà H C2 vay số tiền 4.000.000 đồng, dưới hình

thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P chưa thu tiền lãi và tiền gốc.

Tổng số tiền gốc P cho bà H Cua Ayun vay là 16.000.000 đồng, bị cáo P đã thu lợi bất chính số tiền là 2.944.110 đồng. Hiện bà H C2 còn nợ P 16.000.000 đồng tiền gốc.

63. Nguyễn Thị P cho bà Lê Thị Thúy Đ3, sinh năm 1988, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk vay tiền 01 lần, cụ thể:

Ngày 23/12/2024, P cho bà Lê Thị Thúy Đ3 vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức vay tiền đứng, với lãi suất 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, P đã thu tiền gốc 5.000.000 đồng còn tiền lãi chưa thu.

Vật chứng vụ án thu giữ được:

- 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, vỡ mặt kính bên ngoài, nhãn hiệu: Iphone; kiểu máy: XS Max; màu đen, số IMEI: 357271094020340, số seri F2LXHRUHKPHF, mật khẩu 1221, gắn 01 Sim số 0913957600 của Phạm Văn Đ1.

- 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, tên kiểu máy: Iphone 14 Pro max, số I: 353751257235987, màu: Tím, kèm theo sim điện thoại số thuê bao 0902.634.588 của Nguyễn Thị P.

Tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở tại: số H, buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ đã tạm giữ: Số tiền 47.900.000 đồng. - 113 giấy vay mượn tiền. - 96 tờ giấy màu vàng.

- 01 căn cước công dân số 004189005397 mang tên Bé Thị U, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021.

- 01 căn cước công dân số 066096003167 mang tên Bùi Phước H11, ngày sinh 21/05/1996, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 12 năm 2023.

- 01 Giấy phép lái xe số 790134788209, mang tên Đặng Đình T8, sinh ngày: 14/04/1968, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014.

- 01 căn cước công dân số 066201004923 mang tên Bun Chay L9, ngày sinh 20/12/2001, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 01 tháng 9 năm 2021.

- 01 căn cước công dân số 066204018647 mang tên Đoàn Anh V1, ngày sinh 13/10/2004, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 13 tháng 5 năm 2021.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007533, mang tên Đoàn Đại D2, biển số đăng ký 47S1 – 146.56, do Công an huyện B cấp ngày 14 tháng 8 năm 2017.

- 01 căn cước công dân số 066198001558, mang tên H Bin Knul, ngày sinh 25/5/1998, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 04 năm 2021.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 013654, mang tên Y Dọt K16, biển số đăng ký 47S1 – 178.78, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25 tháng 09 năm 2018.

- 01 căn cước công dân số 066191003333, mang tên H Cua Ayun, ngày sinh 08/6/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021.

- 01 căn cước công dân số 06619007225, mang tên H DỄ Kbuôr, ngày sinh 30/10/1990, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 11 tháng 7 năm 2022.

- 01 căn cước công dân số 066301004685 mang tên H Du Rya, ngày sinh 27/01/2001, do Cục C4 về TTXH -Bộ C3 cấp ngày 18 tháng 09 năm 2023.

- 01 căn cước công dân số 066183006411 mang tên H Hiêm Adrong, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 06 tháng 11 năm 2023.
- 01 căn cước công dân số 066196002015 mang tên H Huyền Rya, ngày sinh 10/09/1996, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021.
- 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 002573 mang tên H Bon Knul, biển số đăng ký 47R4 - 1982, do Công an huyện B cấp ngày 08 tháng 12 năm 2010.
- 01 căn cước công dân số 066184011990 mang tên H'Loét Niê, ngày sinh 05/10/1984, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066304012618 mang tên H' Mak Niê, ngày sinh 27/06/2004, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021.
- 01 Giấy phép lái xe số 066189022464 mang tên Triệu Văn L3, sinh ngày: 01/01/1998, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 28 tháng 12 năm 2018.
- 01 căn cước công dân số 066195009442 mang tên H Na Ly N17, ngày sinh 15/4/1995, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066301001522, mang tên Đa Niêng K4, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066191002752 mang tên H Nưm Byă, ngày sinh 05/7/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021.
- 01 căn cước số 066199011092, mang tên H'Nhớ Glan, do Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 10 năm 2024.
- 01 căn cước công dân số 066305005901, mang tên H'Riêm B, ngày sinh 14/01/2005, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 06 tháng 7 năm 2021 (bản photo).
- 01 căn cước công dân số 066187002489 mang tên H'Sáo In Địa Bkrông, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 19 tháng 4 năm 2021.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014108, mang tên H'Sáo In Địa Bkrông, biển số đăng ký 47S1 – 180.36 do Công an huyện B cấp ngày 14 tháng 11 năm 2018.
- 01 căn cước công dân số 066304002417 mang tên H'Si Kbuôr, ngày sinh 10/3/2004, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 4 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066306001738 mang tên H'Triều Kbuôr, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 4 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066205002278 mang tên Y Khánh Niê K17, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066170012243 mang tên H Vong Đương L5, ngày sinh 20/7/1970, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 17 tháng 3 năm 2023.
- 01 căn cước công dân số 066307000494 mang tên Hà Vi Ê3, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 070082003343, mang tên Hoàng Xuân T9, ngày sinh 20/10/1982, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 15 tháng 4 năm 2022.
- 01 căn cước công dân số 004091001337, mang tên Nông Văn T10, ngày sinh 02/02/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021.
- 01 Giấy phép lái xe số 660197800830, mang tên Nông Văn T10, sinh ngày: 02/02/1991, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 23 tháng 10 năm 2019.

- 01 căn cước công dân số 051087014598, mang tên Nguyễn Quốc Đ2, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 24 tháng 4 năm 2024.
- 01 căn cước công dân số 066094011455, mang tên Nguyễn Xuân T4, ngày sinh 26/11/1994, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47005093, mang tên Nguyễn Xuân T4, biển số đăng ký 47S1 – 270.86, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12 tháng 4 năm 2022.
- 01 căn cước công dân số 066172000140, mang tên Vong Đào L4, ngày sinh 18/01/1972, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 29 tháng 3 năm 2021.
- 01 Giấy phép lái xe số S632711, mang tên Vong Đào L4, sinh ngày 1973, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 7 tháng 10 năm 2004.
- 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0032629, mang tên Ngô Tiến G5, biển số đăng ký 99L1 – 9808, do Phòng C5 Công an tỉnh B cấp ngày 23 tháng 7 năm 2007.
- 01 căn cước công dân số 066205005560, mang tên Y Bun ĩn N4, ngày sinh 04/02/2005, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 18 tháng 02 năm 2023
- 01 căn cước công dân số 066082013381, mang tên Y Chiến B8, ngày sinh 01/01/1982, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021
- 01 căn cước công dân số 066075005065, mang tên Y Danh N12, ngày sinh 20/11/1975, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 03 tháng 6 năm 2021
- 01 Giấy phép lái xe số 661066006588, mang tên H Lái Byă, ngày sinh 20/11/1982, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 01 tháng 7 năm 2017.
- 01 căn cước công dân số 066202016160, mang tên Y Goa B1, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47004012, mang tên Y Goa B1, biển số đăng ký 47S1 – 262.25, do Công an huyện B cấp ngày 26 tháng 01 năm 2022.
- 01 căn cước công dân số 066195002145, mang tên H Don Hwing, ngày sinh 04/6/1995, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066090000283, mang tên Y Kiêng K5, ngày sinh 25/4/1990, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 22 tháng 06 năm 2022.
- 01 căn cước công dân số 066206001704, mang tên Y Men K18, ngày sinh 10/02/2006, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 4 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066084009729, mang tên Y Ngăh H12, ngày sinh 05/02/1984, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 28 tháng 6 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066200017120, mang tên Y Sắc R5, ngày sinh 21/10/2000, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022.
- 01 căn cước công dân số 066066004762, mang tên Y Thăn R7, ngày sinh 25/04/1966, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066202006301, mang tên Y Nok R8, ngày sinh 27/7/2002, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022.
- 01 căn cước công dân số 066093023601, mang tên Y Yít S1, ngày sinh 06/01/1993, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 06 tháng 06 năm 2023.
- 01 căn cước công dân số 066177002751, mang tên H Lăk Ksor, ngày sinh 13/9/1977, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 30 tháng 6 năm 2022.

- 01 căn cước công dân số 066309020290, mang tên H Lim N13, ngày sinh 02/04/2009, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 18 tháng 10 năm 2023.
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 241783195, mang tên Y Ê T, ngày sinh 02/06/1995, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 20 tháng 05 năm 2020.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47 003409, mang tên H Chăn Ly N2, biển số đăng ký 47S1 – 259.33, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 30 tháng 12 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066098000876, mang tên Y Hôm M3, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 07 tháng 4 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066191018078, mang tên H Tú Hwing, ngày sinh 02/02/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 28 tháng 6 năm 2021.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 011219, mang tên H Tú Wing, biển số đăng ký 47S1 – 191.35, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14 tháng 02 năm 2019.
- 01 căn cước công dân số 066099002675, mang tên Y Gen R1, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 14 tháng 3 năm 2023.
- 01 căn cước công dân số 066098018427, mang tên Y Năm B9, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022.
- 01 căn cước công dân số 066092002342, mang tên Bun Nhọc Lào, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 001892, mang tên H Dôn Byă, biển số đăng ký 47S1 – 104.20, do Công an huyện B cấp ngày 05 tháng 11 năm 2015.
- 01 căn cước công dân số 066183001874, mang tên H Lạng Hwing, ngày sinh 20/06/1983, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066092002091, mang tên Y Brên K19, ngày sinh 01/01/1992, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 19 tháng 04 năm 2021.
- 01 căn cước số 066315002762, mang tên H Lan K20, ngày sinh 05/11/2015, do Bộ C3 cấp ngày 04 tháng 8 năm 2024.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007745, mang tên Lê Văn L, biển số đăng ký 47S1 – 083.56, do Công an huyện B cấp ngày 27 tháng 8 năm 2014.
- 01 căn cước công dân số 066202013726, mang tên Y Mon K13, ngày sinh 28/02/2002, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066090002611, mang tên Y Túy Ê4, ngày sinh 04/11/1990, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066190011896, mang tên H Hà Knul, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2022.
- 01 căn cước công dân số 066092003862, mang tên Y Páp R9, ngày sinh 11/5/1992, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2023.
- 01 căn cước công dân số 066203010180, mang tên Y Gem G1, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 09 tháng 8 năm 2022.
- 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 010143, mang tên Đoàn Văn M4, biển số đăng ký 71S8 – 2221, do Phòng C5 Công an tỉnh B cấp ngày 28 tháng 8 năm 2007.

- 01 căn cước công dân số 066304013422, mang tên Nang Phôm Nhôm N14, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47 005179, mang tên Nang P, biển số đăng ký 47S1 – 273.21, do Công an huyện B cấp ngày 15 tháng 04 năm 2022.
- 01 căn cước công dân số 066183001169, mang tên H Thuộm Êban, ngày sinh 11/10/1983, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066177001035, mang tên H Pôp Byă, ngày sinh 07/8/1977, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066098002035, mang tên Khăm Cọt N15, ngày sinh 16/7/1998, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 3 năm 2024.
- 01 căn cước công dân số 066194018709, mang tên H Buel Byă, ngày sinh 26/5/1994, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 09 tháng 8 năm 2021.
- 01 căn cước công dân số 066208007988, mang tên Y Nhi K21 ÊNuôl, ngày sinh 28/3/2008, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 04 tháng 7 năm 2022.
- 01 căn cước công dân số 066172008246, mang tên H Y N, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021.
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 240792065, mang tên Nguyễn Đình M5, ngày sinh 27/05/1965, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09 tháng 04 năm 2008.
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 241681549, mang tên Phạm Y Phổ Ê, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 05 tháng 12 năm 2013.
- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên H Vên HĐok, ngày sinh 15/12/1978, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 20 tháng 02 năm 2003
- 01 Giấy phép lái xe số 661164005883, mang tên Nguyễn Thị Thanh T2, ngày sinh 06/8/1995, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 29 tháng 5 năm 2016.
- 01 Giấy phép lái xe số AB488864, mang tên H Lư Lào, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 12 tháng 2 năm 2007.
- 01 Giấy phép lái xe số 660083001525, mang tên Y Tho G6, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 03 tháng 01 năm 2024.
- 01 Giấy phép lái xe số AX865221, mang tên Y Ly Y, năm sinh 1990, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 01 tháng 12 năm 2012.
- 01 Giấy phép lái xe số 661118811733, mang tên Văn Thị Lệ T3, sinh ngày: 07/7/1968, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 01 tháng 7 năm 2017.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 016720, mang tên H Lưon Knul, sinh năm: 1989, biển số đăng ký 47S1 – 216.88, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04 tháng 02 năm 2020.
- 01 Giấy phép lái xe số 661062004919, mang tên Bua Kẹo L10, sinh ngày: 16/4/1980, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 09 tháng 10 năm 2016.
- 01 Giấy phép lái xe số 661089004491, mang tên Nguyễn Thị T11, sinh ngày: 12/12/1979, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 12 tháng 8 năm 2016.
- 01 Giấy phép lái xe số 661073007673, mang tên H Khắt Hwing, sinh ngày: 14/01/1989, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 29 tháng 10 năm 2016.
- 01 Giấy phép lái xe số 660235001115, mang tên Nguyễn Chanh N5, sinh ngày: 12/10/2004, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 16 tháng 01 năm 2023.

- 01 Giấy phép lái xe số 660241009842, mang tên Nguyễn Đức H3, sinh năm: 1999, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 03 tháng 7 năm 2024.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47003723, mang tên H'Jôl Bkrông, biển số đăng ký 47B2 – 789.36, do Phòng C5 Công an tỉnh Đ cấp ngày 26 tháng 02 năm 2021
- 01 Giấy phép lái xe số AB146211, mang tên Y Hại N16, sinh năm: 1979, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 02 tháng 12 năm 2006.
- 01 căn cước công dân số 066144002916, mang tên H Rốt Rya, ngày sinh 11/10/1944, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47002528, mang tên H Yin Siu, sinh năm 1989, biển số đăng ký 47P1 – 299.80, do Công an huyện E cấp ngày 13 tháng 9 năm 2021.
- 01 Giấy phép lái xe số 661076006992, mang tên H Yin Siu, sinh ngày: 04/9/1989, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 09 tháng 10 năm 2021.
- 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 125279, mang tên Y Hót B10, sinh năm 1984, biển số đăng ký 47P5 – 1580, do Công an huyện B cấp ngày 23 tháng 02 năm 2008.
- 01 Giấy phép lái xe số AD071210, mang tên H E Siu, năm sinh: 1988, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 10 tháng 9 năm 2007.
- 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 002866, mang tên H Thoạ Knul, biển số đăng ký 47R4 – 1434, do Công an huyện B cấp ngày 11 tháng 01 năm 2021.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000621, mang tên Vũ Lương Q, sinh năm 1991, biển số đăng ký 47S1 – 026.16, do Công an huyện B cấp ngày 29 tháng 02 năm 2012.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47002072, mang tên H Hiếu Adrong, biển số đăng ký 47AU – 001.51, do Công an huyện B cấp ngày 27 tháng 11 năm 2024.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 008866, mang tên H Pưm Byă, sinh năm 1988, biển số đăng ký 47S1 – 154.11, do Công an huyện B cấp ngày 22 tháng 12 năm 2017.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 002801, mang tên Phạm Văn S4, sinh năm 1991, biển số đăng ký 47S1 – 044.05, do Công an huyện B cấp ngày 10 tháng 10 năm 2012.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006220, mang tên H Huyền Ksor, sinh năm 1995, biển số đăng ký 47S1 – 137.02, do Công an huyện B cấp ngày 18 tháng 4 năm 2017.
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47 000784, mang tên Y Bin R2, sinh năm 2002, biển số đăng ký 47S1 – 243.51, do Công an huyện B cấp ngày 03 tháng 3 năm 2021.

Tại Bản Kết luận Giám định số 304/KL-KTHS ngày 28/8/2025 của Phòng K27 Công an tỉnh Đ kết luận: Khôi phục, trích xuất dữ liệu từ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, tên kiểu máy: Iphone 14 Pro max, số I: 353751257235987, màu: Tím, kèm theo sim điện thoại số thuê bao 0902.634.588 tìm thấy 141414 tin nhắn Zalo, không khôi phục, trích xuất được tin nhắn M6 (Facebook), tin nhắn T12 (Phần mềm không hỗ trợ). Không khôi phục, trích xuất được tin nhắn Z, tin nhắn M (Facebook),

tin nhắn Telegram từ 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, vỡ mặt kính bên ngoài, nhãn hiệu: Iphone; kiểu máy: XS Max; màu đen, số IMEI: 357271094020340, số seri F2LXHRUHKPHF, mặt khóa 1221, gắn 01 Sim số 0913957600 (Không kết nối được điện thoại với máy tính).

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKS, ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Thị P, về tội “ Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại các biên bản tự khai, lấy lời khai bị cáo Nguyễn Thị P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại phiên tòa sau khi đánh giá tính chất vụ án, phân tích đánh giá các chứng cứ buộc tội, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội “ Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị P từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

- Về hình phạt bổ sung: không đề nghị.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 47.900.000 đồng là tiền bị cáo Nguyễn Thị P sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max, đã qua sử dụng, số Imei: 353751257235987, màu: Tím là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số thuê bao 0902.634.588 là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng, gắn 01 Sim số 0913957600 của Phạm Văn Đ1 nhưng không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ ra quyết định xử lý vật chứng trả điện thoại trên cho Đ1 là phù hợp.

Đối với: 01 căn cước công dân số 004189005397, mang tên Bé Thị U, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066198001558, mang tên H Bin Knul, ngày sinh 25/5/1998, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 04 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066191003333, mang tên H Cua Ayun, ngày sinh 08/6/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 06619007225, mang tên H DỄ Kbuôr, ngày sinh 30/10/1990, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 11 tháng 7 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066301004685, mang tên H Du Rya, ngày sinh 27/01/2001, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 18 tháng 09 năm 2023; 01 căn cước công dân số 066183006411, mang tên H Hiêm Adrong, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 06 tháng 11 năm 2023; 01 căn cước công dân số 066196002015, mang tên H Huyền Rya, ngày sinh 10/09/1996, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066184011990, mang tên H’ Loét Niê, ngày sinh 05/10/1984, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021;

01 căn cước công dân số 066301001522, mang tên Đa Niềng K4, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước số 066199011092, mang tên H’ Nhớ Glan, do Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 10 năm 2024; 01 căn cước công dân số 066187002489, mang tên H’ Sáo In Địa Bkrông, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 19 tháng 4 năm 2021 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014108, mang tên H’ Sáo In Địa Bkrông, biển số đăng ký 47S1 – 180.36, do Công an huyện B cấp ngày 14 tháng 11 năm 2018; 01 căn cước công dân số 066306001738, mang tên H’ Triều Kbuôr, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066170012243, mang tên H Vong Đương L5, ngày sinh 20/7/1970, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 17 tháng 3 năm; 01 căn cước công dân số 066307000494, mang tên Hà Vi Ê3, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 070082003343, mang tên Hoàng Xuân T9, ngày sinh 20/10/1982, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 15 tháng 4 năm 2022; 01 căn cước công dân số 051087014598, mang tên Nguyễn Quốc Đ2, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 24 tháng 4 năm 2024; 01 căn cước công dân số 066094011455, mang tên Nguyễn Xuân T4, ngày sinh 26/11/1994, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47005093, mang tên Nguyễn Xuân T4, biển số đăng ký 47S1 – 270.86, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12 tháng 4 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066172000140, mang tên Vong Đào L4, ngày sinh 18/01/1972, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 29 tháng 3 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số S632711, mang tên Vong Đào L4, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 07 tháng 10 năm 2004; 01 căn cước công dân số 066205005560, mang tên Y Bun ĩn N4, ngày sinh 04/02/2005, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 18 tháng 02 năm 2023; 01 căn cước công dân số 066202016160, mang tên Y Goa B1, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47004012, mang tên Y Goa B1, biển số đăng ký 47S1 – 262.25, do Công an huyện B cấp ngày 26 tháng 01 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066090000283, mang tên Y Kiềng K5, ngày sinh 25/4/1990, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 22 tháng 06 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066200017120, mang tên Y Sắc R5, ngày sinh 21/10/2000, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066093023601, mang tên Y Yít S1, ngày sinh 06/01/1993, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 06 tháng 06 năm 2023; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47 003409, mang tên H Chăn Ly N2, biển số đăng ký 47S1 – 259.33, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 30 tháng 12 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066099002675, mang tên Y Gen R1, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 14 tháng 3 năm 2023; 01 căn cước công dân số 066092002342, mang tên Bun Nhọc Lào, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066183001874, mang tên H Lạng Hwing, ngày sinh 20/06/1983, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066092002091, mang tên Y Brên K19, ngày sinh 01/01/1992, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 19 tháng 04 năm 2021; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007745, mang tên Lê Văn L, biển số đăng ký 47S1 – 083.56, do Công an huyện B cấp ngày 27 tháng 8 năm

2014; 01 căn cước công dân số 066202013726, mang tên Y Mon K13, ngày sinh 28/02/2002, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066090002611, mang tên Y Túy Ê4, ngày sinh 04/11/1990, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066190011896, mang tên H Hà Knul, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066203010180, mang tên Y Gem G1, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 09 tháng 8 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066304013422, mang tên Nang Phôm Nhôm N14, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47 005179, mang tên Nang P, biển số đăng ký 47S1 – 273.21, do Công an huyện B cấp ngày 15 tháng 04 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066177001035, mang tên H Pôp Byă, ngày sinh 07/8/1977, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066172008246, mang tên H Y N, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 giấy chứng minh nhân dân số 240792065, mang tên Nguyễn Đình M5, ngày sinh 27/05/1965, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09 tháng 04 năm 2008; 01 giấy chứng minh nhân dân số 241681549, mang tên Phạm Y Phô Ê, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 05 tháng 12 năm 2013; 01 Giấy phép lái xe số 661164005883, mang tên Nguyễn Thị Thanh T2, ngày sinh 06/8/1995, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 29 tháng 5 năm 2016; 01 Giấy phép lái xe số AB488864, mang tên H Lư Lào, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 12 tháng 2 năm 2007; 01 Giấy phép lái xe số AX865221, mang tên Y Ly Y, năm sinh 1990, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 01 tháng 12 năm 2012; 01 Giấy phép lái xe số 661118811733, mang tên Văn Thị Lệ T3, sinh ngày: 07/7/1968, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 01 tháng 7 năm 2017; 01 Giấy phép lái xe số 661089004491, mang tên Nguyễn Thị T11, sinh ngày: 12/12/1979, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 12 tháng 8 năm 2016; 01 Giấy phép lái xe số 661073007673, mang tên H Khắt Hwing, sinh ngày: 14/01/1989, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 29 tháng 10 năm 2016; 01 Giấy phép lái xe số 660235001115, mang tên Nguyễn Chanh N5, sinh ngày 12/10/2004, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 16 tháng 01 năm 2023; 01 Giấy phép lái xe số 660241009842, mang tên Nguyễn Đức H3, sinh năm: 1999, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 03 tháng 7 năm 2024; 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 002866, mang tên H Thọa Knul, biển số đăng ký 47R4 – 1434, do Công an huyện B cấp ngày 11 tháng 01 năm 2021; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006220, mang tên H Huyền Ksor, sinh năm 1995, biển số đăng ký 47S1 – 137.02, do Công an huyện B cấp ngày 18 tháng 4 năm 2017; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47 000784, mang tên Y Bin R2, sinh năm 2002, biển số đăng ký 47S1 – 243.51, do Công an huyện B cấp ngày 03 tháng 3 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số AD071210, mang tên H E Siu, năm sinh 1988, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 10 tháng 9 năm 2007 là giấy tờ thuộc quyền sở hữu của những người vay tiền nên cơ quan CSĐT Công an tỉnh ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp. (BL 720-741)

Đối với những đồ vật, tài liệu thu giữ của bị cáo gồm: 01 căn cước công dân số 066096003167, mang tên Bùi Phước H11, ngày sinh 21/05/1996, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 12 năm 2023; 01 Giấy phép lái xe số

790134788209, mang tên Đặng Đình T8, sinh ngày: 14/04/1968, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014; 01 căn cước công dân số 066204018647, mang tên Đoàn Anh V1, ngày sinh 13/10/2004, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 13 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066201004923, mang tên Bun Chay L9, ngày sinh 20/12/2001, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 01 tháng 9 năm 2021; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007533, mang tên Đoàn Đại D2, biển số đăng ký 47S1 – 146.56, do Công an huyện B cấp ngày 14 tháng 8 năm 2017; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 013654, mang tên Y Dọt K16, biển số đăng ký 47S1 – 178.78, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25 tháng 09 năm 2018; 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 002573, mang tên H Bon Knul, biển số đăng ký 47R4 - 1982, do Công an huyện B cấp ngày 08 tháng 12 năm 2010; 01 căn cước công dân số 066304012618, mang tên H' Mak Niê, ngày sinh 27/06/2004, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số 066189022464, mang tên Triệu Văn L3, sinh ngày: 01/01/1998, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 28 tháng 12 năm 2018; 01 căn cước công dân số 066195009442, mang tên H Na Ly N17, ngày sinh 15/4/1995, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066191002752, mang tên H Num Byă, ngày sinh 05/7/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066304002417, mang tên H' Si Kbuôr, ngày sinh 10/3/2004, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066205002278, mang tên Y Khánh Niê K17, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 004091001337, mang tên Nông Văn T10, ngày sinh 02/02/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số 660197800830, mang tên Nông Văn T10, sinh ngày: 02/02/1991, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 23 tháng 10 năm 2019; 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0032629, mang tên Ngô Tiến G5, biển số đăng ký 99L1 – 9808, do Phòng C5 Công an tỉnh B cấp ngày 23 tháng 7 năm 2007; 01 căn cước công dân số 066082013381, mang tên Y Chiến B8, ngày sinh 01/01/1982, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066075005065, mang tên Y Danh N12, ngày sinh 20/11/1975, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 03 tháng 6 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số 661066006588, mang tên H Lái Byă, ngày sinh 20/11/1982, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 01 tháng 7 năm 2017; 01 căn cước công dân số 066195002145, mang tên H Don Hwing, ngày sinh 04/6/1995, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066206001704, mang tên Y Men K18, ngày sinh 10/02/2006, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066084009729, mang tên Y Ngăh H12, ngày sinh 05/02/1984, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 28 tháng 6 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066202006301, mang tên Y Nok R8, ngày sinh 27/7/2002, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066177002751, mang tên H Lăk Ksor, ngày sinh 13/9/1977, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 30 tháng 6 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066309020290, mang tên H Lim N13, ngày sinh 02/04/2009, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 18 tháng 10 năm 2023; 01 giấy chứng minh nhân dân số 241783195, mang tên Y Ê T, ngày sinh

02/06/1995, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 20 tháng 05 năm 2020; 01 căn cước công dân số 066098000876, mang tên Y Hòm M3, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 07 tháng 4 năm 2021; căn cước công dân số 066191018078, mang tên H Tú Hwing, ngày sinh 02/02/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 28 tháng 6 năm 2021; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 011219, mang tên H Tú Wing, biển số đăng ký 47S1 – 191.35, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14 tháng 02 năm 2019; 01 căn cước công dân số 066098018427, mang tên Y Nâm B9, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 001892, mang tên H Dôn Byă, biển số đăng ký 47S1 – 104.20, do Công an huyện B cấp ngày 05 tháng 11 năm 2015; 01 căn cước số 066315002762, mang tên H Lan K20, ngày sinh 05/11/2015, do Bộ C3 cấp ngày 04 tháng 8 năm 2024; 01 căn cước công dân số 066092003862, mang tên Y Páp R9, ngày sinh 11/5/1992, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2023; 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 010143, mang tên Đoàn Văn M4, biển số đăng ký 71S8 – 2221, do Phòng C5 Công an tỉnh B cấp ngày 28 tháng 8 năm 2007; 01 căn cước công dân số 066183001169, mang tên H Thuộm Êban, ngày sinh 11/10/1983, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066098002035, mang tên Khăm Cọt N15, ngày sinh 16/7/1998, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 3 năm 2024; 01 căn cước công dân số 066194018709, mang tên H Buel Byă, ngày sinh 26/5/1994, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 09 tháng 8 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066208007988, mang tên Y Nhi K21 ÊNuôl, ngày sinh 28/3/2008, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 04 tháng 7 năm 2022; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên H Vên HĐok, ngày sinh 15/12/1978, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 20 tháng 02 năm 2003; 01 Giấy phép lái xe số 660083001525, mang tên Y Tho G6, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 03 tháng 01 năm 2024; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 016720, mang tên H Lươn Knul, sinh năm: 1989, biển số đăng ký 47S1 – 216.88, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04 tháng 02 năm 2020; 01 Giấy phép lái xe số 661062004919, mang tên Bua Kẹo L10, sinh ngày: 16/4/1980, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 09 tháng 10 năm 2016; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47003723, mang tên H’Jôl Bkrông, biển số đăng ký 47B2 – 789.36, do Phòng C5 Công an tỉnh Đ cấp ngày 26 tháng 02 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số AB146211, mang tên Y Hại N16, sinh năm: 1979, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 02 tháng 12 năm 2006; 01 căn cước công dân số 066144002916, mang tên H Rôt Rya, ngày sinh 11/10/1944, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47002528, mang tên H Yin Siu, sinh năm 1989, biển số đăng ký 47P1 – 299.80, do Công an huyện E cấp ngày 13 tháng 9 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số 661076006992, mang tên H Yin Siu, sinh ngày: 04/9/1989, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 09 tháng 10 năm 2021; 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 125279, mang tên Y Hót B10, sinh năm 1984, biển số đăng ký 47P5 – 1580, do Công an huyện B cấp ngày 23 tháng 02 năm 2008; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000621, mang tên Vũ Lương Q, sinh năm 1991, biển số đăng ký 47S1 – 026.16, do Công an huyện B cấp ngày 29 tháng 02 năm 2012; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47002072, mang tên H Hiếu Adrong,

biển số đăng ký 47AU – 001.51, do Công an huyện B cấp ngày 27 tháng 11 năm 2024; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 008866, mang tên H Pum Byă, sinh năm 1988, biển số đăng ký 47S1 – 154.11, do Công an huyện B cấp ngày 22 tháng 12 năm 2017; 01 căn cước công dân số 066066004762, mang tên Y Thăn R7, ngày sinh 25/04/1966, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 002801, mang tên Phạm Văn S4, sinh năm 1991, biển số đăng ký 47S1 – 044.05, do Công an huyện B cấp ngày 10 tháng 10 năm 2012. Đến nay, Cơ quan điều tra vẫn chưa xác định được nguồn gốc, chủ sở hữu, người cầm cố, thế chấp, chưa làm việc được với những người liên quan nên tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với số tiền 213.096.740 đồng mà bị cáo thu lợi bất chính từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay), đề nghị truy thu từ bị cáo để trả lại cho người vay, cụ thể:

Truy thu từ bị cáo Nguyễn Thị P để trả cho: Ông Nguyễn Quốc Đ2, số tiền là 12.267.123 đồng; trả cho bà Bé Thị Ước S5 tiền là 23.552.877 đồng; trả cho bà H Brôn Êban số tiền là 5.004.986 đồng; trả cho bà H' E Siu số tiền là 12.070.849 đồng; trả cho Bà S6 Ra Byă số tiền là 12.267.123 đồng; trả cho bà H Mái Ksor số tiền là 2.453.425 đồng; trả cho ông Phạm Y P1 Ê Ban số tiền là 5.888.219 đồng; trả cho ông Nguyễn Văn H2 số tiền là 13.384.795 đồng; trả cho Bà H Diên Knul số tiền là 7.621.973 đồng; trả cho ông Lê Văn L số tiền là 817.808 đồng; trả cho bà H Nhơn Knul số tiền là 3.827.342 đồng; trả cho bà H Thọa Knul số tiền là 6.133.562 đồng; trả cho bà H Y Niê số tiền là 4.906.849 đồng; trả cho bà H Đắp Rya số tiền là 7.360.274 đồng; trả cho bà H Hiêm Ađrong số tiền là 1.690.137 đồng; trả cho ông Nguyễn Minh H số tiền là 283.562 đồng; trả cho bà H Nhớ Glan số tiền là 122.671 đồng; trả cho ông Y Chội B số tiền là 10.478.849 đồng; trả cho bà Đ5 Niêng K4 số tiền là 834.164 đồng; trả cho ông Y Kiêng K5 số tiền là 2.671.507 đồng; trả cho bà H Hà K6 số tiền là 2.235.342 đồng; trả cho ông Y Gen R1 số tiền là 228.986 đồng; trả cho ông Y Goa B1 số tiền là 997.726 đồng; trả cho bà H Pốp Byă số tiền là 2.148.110 đồng; trả cho ông N9 Phôm Nhom N1 số tiền là 196.274 đồng; trả cho Bà Hà Vi Ê2 Ban số tiền là 2.453.425 đồng; trả cho ông B7 Nhọc L10 số tiền là 257.466 đồng; trả cho bà H Triều Kbuôr số tiền là 3.751.014 đồng; trả cho bà H Hoa Kbuôr số tiền là 2.011.808 đồng; trả cho bà H Lưà Lào số tiền là 9.813.699 đồng; trả cho ông Y Gem G1 số tiền là 228.986 đồng; trả cho bà H Sáo In Địa Bkrông số tiền là 2.589.726 đồng; trả cho ông Triệu Văn L3 số tiền là 3.887.315 đồng; trả cho ông Nguyễn Đức H3 số tiền là 1.183.096 đồng; trả cho bà H Dẻ Kbuôr số tiền là 1.144.932 đồng; trả cho bà H Chăn Ly N2 số tiền là 490.685 đồng; trả cho H Chặng Mlô số tiền là 1.090.411 đồng; trả cho ông Y Bin R2 số tiền là 1.521.123 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T2 số tiền là 2.535.205 đồng; trả cho bà Văn Thị Lệ T3 số tiền là 3.625.616 đồng; trả cho bà H Khắt Hwing số tiền là 3.680.137 đồng; trả cho H Huyền R3 số tiền là 817.808 đồng; trả cho bà H Du Rya số tiền là 490.685 đồng; trả cho bà Ni Sa K10 số tiền là 3.353.014 đồng; trả cho ông Ma Tuấn H5 số tiền là 2.044.521 đồng; trả cho bà H Lạng Hwing số tiền là 1.995.452 đồng; trả cho bà H On Keo Hwing số tiền là 572.466 đồng; trả cho bà H Loét Niê số tiền là 8.287.123 đồng; trả cho bà H Vong Đương Lào số tiền là 327.123 đồng; trả cho ông Y Yít S1 số tiền là 327.123 đồng; trả cho ông Y Sắc R5 số tiền là 1.766.466 đồng;

trả cho Nguyễn Xuân T4 số tiền là 1.908.219 đồng; trả cho H Bin Knul số tiền là 1.357.562 đồng; trả cho bà Trần Hải Y số tiền là 845.068 đồng; trả cho ông Y Bun ĩn N4 số tiền là 1.014.082 đồng; trả cho ông Nguyễn Chanh N5 số tiền là 784.274 đồng; trả cho bà H Ứ Hmok số tiền là 817.808 đồng; trả cho ông Y Ly Ya B4 số tiền là 1.635.616 đồng; trả cho bà H Huyền Ksor số tiền là 1.690.137 đồng; trả cho ông Y Mon K13 số tiền là 408.904 đồng; trả cho bà H Cua Ayun số tiền là 2.944.110 đồng.

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền gốc và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật (20%/năm) mà bị cáo đã thu từ người vay với tổng số tiền là 464.793.260 đồng, trong đó số tiền bị cáo thu của từng người cụ thể như sau: Thu của ông Nguyễn Quốc Đ2 là 46.232.877 đồng; của bà Bé Thị Ư là 2.367.123 đồng; của bà H Brôn Ê1 là 10.503.014 đồng; của bà H' E Siu là 1.213.151 đồng; của bà S6 Ra Byă là 51.232.877 đồng; của bà H M1 Ksor là 3.746.575 đồng; của ông Phạm Y P1 Ê Ban là 591.781 đồng; của ông Nguyễn Văn H2 là 1.345.205 đồng; của bà H Diên Knul là 19.766.027 đồng; của ông Lê Văn L là 82.192 đồng; của bà H Nhon K2 là 3.384.658 đồng; của bà H Thọa K3 là 20.616.438 đồng; của bà H Y N là 10.493.151 đồng; của bà H Đấp R là 40.739.726 đồng; của bà H Hiêm Ađrong là 169.863 đồng; của ông Nguyễn Minh H vay tiền là 1.516.438 đồng; của bà H N7 Glan là 12.329 đồng; của ông Y Chội B là 40.053.151 đồng; của bà Đa Niêng K4 là 5.083.836 đồng; của ông Y Kiêng K5 là 268.493 đồng; của bà H Hà K6 là 6.224.658 đồng; của ông Y Gen R1 là 23.014 đồng; của ông Y Goa B1 là 100.274 đồng; của bà H Pôp Byă là 9.215.890 đồng; của ông Nang Phôm Nhom N1 là 19.726 đồng; của bà Hà Vi Ê2 Ban là 2.246.575 đồng; của ông Bun N11 Lào là 2.557.534 đồng; của bà H Triều K7 là 376.986 đồng; của bà H Hoa Kbuôr là 202.192 đồng; của bà H Lư Lào là 986.301 đồng; của ông Y Gem G1 là 23.014 đồng; của bà H Sáo I Địa Bkrông là 17.260.274 đồng; của ông Triệu Văn L3 là 390.685 đồng; của ông Nguyễn Đức H3 là 118.904 đồng; của bà H Dể K9 vay tiền là 7.115.068 đồng; của bà H Chăn Ly N2 là 49.315 đồng; của bà H Chặng Mlô là 109.589 đồng; của ông Y Bin R2 là 152.877 đồng; của bà Nguyễn Thị Thanh T2 là 15.254.795 đồng; của bà Văn Thị Lệ T3 là 17.364.384 đồng; của bà H Khắt H4 là 369.863 đồng; của bà H Huyền R3 là 5.082.192 đồng; của bà H Du Rya là 49.315 đồng; của bà Ni Sa K10 là 20.336.986 đồng; của ông Ma Tuấn H5 là 25.205.479 đồng; của bà H Lạng H6 là 200.548 đồng; của bà H On Kẹo H7 là 7.057.534 đồng; của bà H Loét Niê là 10.832.877 đồng; của bà H Vong Đương L5 là 32.877 đồng; của ông Y Yít S1 là 32.877 đồng; của ông Y Sắc R5 là 177.534 đồng; của ông Nguyễn Xuân T4 2.491.781 đồng; của bà H Bin K11 là 3.136.438 đồng; của bà Trần Hải Y là 2.084.932 đồng; của ông Y Bun ĩn N4 là 101.918 đồng; của ông Nguyễn Chanh Nghĩa L11 1.635.726 đồng; của bà H Ứ Hmok là 5.082.192 đồng; của ông Y Ly Ya B4 là 5.164.384 đồng; của bà H Huyền Ksor là 10.169.863 đồng; của ông Y Mon K13 là 41.096 đồng; của bà H Cua Ayun là 295.890 đồng; của bà Lê Thị Thúy Đ3 là 5.000.000 đồng.

Đề nghị truy thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền gốc mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) chưa trả cho bị cáo với tổng số tiền 667.200.000 đồng, cụ thể: Truy thu của ông Nguyễn Quốc Đ2 số tiền 15.000.000 đồng; truy thu của bà Bé Thị Ước S5 tiền 144.000.000 đồng; truy thu của bà H' E

Siu số tiền 69.000.000 đồng; truy thu của bà H M1 Ksor số tiền 1.000.000 đồng; truy thu của ông Phạm Y P1 Ê Ban số tiền 5.000.000 đồng; truy thu của ông Nguyễn Văn H2 số tiền 55.000.000 đồng; truy thu của bà H Diên Knul số tiền 15.000.000 đồng; truy thu của ông Lê Văn L số tiền 5.000.000 đồng; truy thu của bà H Nhơn Knul số tiền 15.000.000 đồng; truy thu của bà H Thọa Knul số tiền 5.000.000 đồng; truy thu của bà H Y Niê số tiền 20.000.000 đồng; truy thu của bà H Đắp Rya số tiền 5.000.000 đồng; truy thu của bà H Hiêm Ađrong số tiền 10.000.000 đồng; truy thu của bà H N7 Glan số tiền 1.500.000 đồng; truy thu của ông Y Chội B số tiền 23.000.000 đồng; truy thu của ông Y Kiêng K5 số tiền 16.000.000 đồng; truy thu của ông Y Gen R1 số tiền 1.400.000 đồng; truy thu của ông Y Goa B1 số tiền 3.000.000 đồng; truy thu của ông Nang Phôm Nhom N1 số tiền 1.200.000 đồng; truy thu của bà Hà Vi Ê2 Ban số tiền 3.000.000 đồng; truy thu của ông Bun N11 Lào số tiền 1.000.000 đồng; truy thu của bà H Triều Kbuôr số tiền 24.000.000 đồng; truy thu của bà H Hoa Kbuôr số tiền 3.000.000 đồng; truy thu của bà H Lư Lào số tiền 30.000.000 đồng; truy thu của ông Y Gem G1 số tiền 1.400.000 đồng; truy thu của ông Triệu Văn L3 số tiền 23.000.000 đồng; truy thu của ông Nguyễn Đức H3 số tiền 7.000.000 đồng; truy thu của bà H Chăn Ly N2 số tiền 3.000.000 đồng; truy thu của bà H Chặng Mlô số tiền 4.000.000 đồng; truy thu của ông Y Bin R2 số tiền 9.000.000 đồng; truy thu của bà H Khắt Hwing số tiền 57.000.000 đồng; truy thu của bà Vong Đào L4 số tiền 11.000.000 đồng; truy thu của bà H Du Rya số tiền 3.000.000 đồng; truy thu của bà H Lạng Hwing số tiền 6.000.000 đồng; truy thu của bà H Loét Niê số tiền 30.000.000 đồng; truy thu của bà H Vong Đương L5 số tiền 4.000.000 đồng; truy thu của ông Y Yít S1 số tiền 1.000.000 đồng; truy thu của ông Y Sắc R5 số tiền 6.000.000 đồng; truy thu của ông Nguyễn Xuân T4 số tiền 1.200.000 đồng; truy thu của bà Trần Hải Y số tiền 3.000.000 đồng; truy thu của ông Y Bun ĩn N4 số tiền 6.000.000 đồng; truy thu của ông Nguyễn Chanh N5 số tiền 2.000.000 đồng; truy thu của ông Y Mon K13 số tiền 2.500.000 đồng; truy thu của bà H Cua Ayun số tiền 16.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Không có ai yêu cầu nên không đề cập.

Quá trình điều tra, ngoài cho những người vay tiền nêu trên, bị cáo P còn khai nhận đã cho khoảng 30 người dân có lai lịch như sau vay tiền: Ông Y Danh N12, sinh năm: 1974, nơi cư trú: Buôn J, xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà H Kim Anh A2, sinh năm: 2003, nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà H Nưm B11, sinh năm: 1991, nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk; ông Y Duyệt B12, sinh năm: 2003, nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk; ông Y Tô Ni K22, sinh năm: 1994, nơi cư trú: Xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà H Vên H13, sinh năm: 1978, nơi cư trú: Xã B, tỉnh Đắk Lắk; ông Y Chiến B8, sinh năm: 1982, nơi cư trú: Buôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk; Bua K, sinh năm: 1980, nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk; ông Y Bách M7, sinh năm: 1990, nơi cư trú: Buôn G, xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà H Ninh B13, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Buôn G, xã B, tỉnh Đắk Lắk; ông Y Nức K23, sinh năm: 1979, nơi cư trú: xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà Nguyễn Thị Ngọc H14, sinh năm: 1988, nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà Nguyễn Thị T11, sinh năm: 1979, nơi cư trú: Xã E, tỉnh Đắk Lắk; Bun C, sinh năm: 2001, nơi cư trú: Buôn J, xã B, tỉnh Đắk Lắk; Khăm P, sinh năm: 1988, nơi cư trú: Buôn J, xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà H Yin S7, sinh năm: 1989, nơi cư trú: Buôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk; bà H Pá Ê5, nơi cư trú: xã B, tỉnh Đắk Lắk;

bà H Pưm B14, sinh năm 1988, nơi cư trú: Buôn Đ, xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà H Lắc K24, sinh năm: 1977, nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà H Thúy K25, sinh năm: 1986, nơi cư trú: Xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà H Thiết B15, sinh năm: 1999, nơi cư trú: Xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà H Na ly N17, sinh năm: 1995, nơi cư trú: Xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà H Tú H15, sinh năm: 1991, nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk; ông Y Linh N18, sinh năm: 1993, nơi cư trú: Xã B, tỉnh Đắk Lắk; ông Y Thuận A3, sinh năm: 2007, nơi cư trú: Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà H Hai N19, sinh năm: 1979, nơi cư trú: Xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà Lâm Thị Mỹ P3, sinh năm: 1991, nơi cư trú: Xã E, tỉnh Đắk Lắk; ông Bế Văn H16, sinh năm: 1994, nơi cư trú: xã B, tỉnh Đắk Lắk; bà H Bua Ri K26, sinh năm: 1985, nơi cư trú: Xã B, tỉnh Đắk Lắk; ông Y Hòm M3, sinh năm 1998, nơi cư trú: xã B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh để làm việc nhưng những người vay tiền có lai lịch nêu trên, tuy nhiên những người vay trên đều không có mặt tại địa phương, không xác định được đang ở đâu và làm gì. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi của Phạm Văn Đ1 có hành vi đòi tiền và thu tiền của một số người vay tiền giúp cho Nguyễn Thị P. Tuy nhiên, Đ1 không biết việc P cho người dân vay tiền với lãi suất cao, không được hưởng lợi từ số tiền mà P nhờ Đ1 đi thu tiền. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với hành vi của Phạm Văn Đ1 là phù hợp.

Đối với căn nhà ở số H Buôn E, xã K, huyện B (nay là xã B), tỉnh Đắk Lắk là nơi P làm thủ tục cho người dân vay tiền, cất giấu giấy vay tiền và các loại giấy tờ tùy thân mà P yêu cầu người vay tiền đưa cho P giữ để làm tin. Quá trình điều tra xác định, căn nhà này nằm trên thửa đất số 518 tờ bản đồ số 18, ở địa chỉ tại xã K, huyện B (nay là xã Buôn Đ), tỉnh Đắk Lắk thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965, trú tại Buôn E, xã B, tỉnh Đắk Lắk (là mẹ ruột của bị cáo P). Việc P cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự bà T không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với bà T cũng như kê biên đối với ngôi nhà này là phù hợp.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Thị P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm

tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, hám lợi bất chính nên trong khoảng thời gian từ tháng 9/2023 đến tháng 01/2025, bị cáo Nguyễn Thị P2 đã có hành vi cho những người dân sinh sống trên địa bàn xã K, huyện B (nay là xã B), tỉnh Đắk Lắk vay tiền với mức lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính với tổng số tiền cho vay là 1.099.520.000 đồng, với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 365%/năm, tổng số tiền lãi đã thu được là 234.570.000 đồng, trong đó tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 21.473.260 đồng, tổng số tiền bị cáo P đã thu lợi bất chính là 213.096.740 đồng

Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là lợi dụng sự sợ hãi khó khăn của người khác mà cho vay tiền dưới các hình thức khác nhau nhằm thu lãi suất cao. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến tài chính của công dân. Xét quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị P đã phạm vào tội: “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Đây là vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, phạm tội giản đơn, Nguyễn Thị P là người thực hành. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hoạt động tín dụng của Nhà nước, gây mất ổn định trong hoạt động kinh tế và lợi ích vật chất của người vay, gây ra nhiều hệ lụy xã hội cũng như gia tăng tội phạm, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển của kinh tế - xã hội. Số tiền bị cáo cho vay với mục đích để người vay chi tiêu, mua sắm tài sản phục vụ nhu cầu cá nhân, không có trường hợp nào sử dụng tài sản vay để thực hiện hành vi trái pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần đánh giá về tính chất, mức độ, của hành vi phạm tội của bị cáo để áp dụng một hình phạt tương xứng mới bảo đảm tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Thị P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và sau khi thực hành vi

vi phạm bị cáo đã đến công an xã đầu thú đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự để đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[5] Về áp dụng hình phạt: Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật và thỏa đáng. Xét thấy bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội không có tính chất chuyên nghiệp, không hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm nên áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 35 của Bộ L12.

[6] Các biện pháp tư pháp: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 47.900.000 đồng là tiền bị cáo Nguyễn Thị P sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max, đã qua sử dụng, số Imei: 353751257235987, màu: Tím là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số thuê bao 0902.634.588 là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ, trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng, gắn 01 Sim số 0913957600 của Phạm Văn Đ1 nhưng không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội cho Phạm Văn Đ1 là phù hợp.

Đối với: 01 căn cước công dân số 004189005397, mang tên Bé Thị U', do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066198001558, mang tên H Bin Knul, ngày sinh 25/5/1998, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 04 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066191003333, mang tên H Cua Ayun, ngày sinh 08/6/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 06619007225, mang tên H DỄ Kbuôr, ngày sinh 30/10/1990, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 11 tháng 7 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066301004685, mang tên H Du Rya, ngày sinh 27/01/2001, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 18 tháng 09 năm 2023; 01 căn cước công dân số 066183006411, mang tên H Hiêm Adrong, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 06 tháng 11 năm 2023; 01 căn cước công dân số 066196002015, mang tên H Huyền Rya, ngày sinh 10/09/1996, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066184011990, mang tên H' Loét Niê, ngày sinh 05/10/1984, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066301001522, mang tên Đa Niêng K4, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước số 066199011092, mang tên H' Nhớ Glan, do Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 10 năm 2024; 01 căn cước công dân số 066187002489, mang tên H' Sáo In Địa Bkrông, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 19 tháng 4 năm 2021 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014108, mang tên H' Sáo In Địa Bkrông, biển số đăng ký 47S1 – 180.36, do Công an huyện B cấp ngày 14 tháng 11 năm 2018; 01 căn cước công dân số

066306001738, mang tên H' Triều Kbuôr, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066170012243, mang tên H Vong Đương L5, ngày sinh 20/7/1970, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 17 tháng 3 năm; 01 căn cước công dân số 066307000494, mang tên Hà Vi Ê3, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 070082003343, mang tên Hoàng Xuân T9, ngày sinh 20/10/1982, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 15 tháng 4 năm 2022; 01 căn cước công dân số 051087014598, mang tên Nguyễn Quốc Đ2, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 24 tháng 4 năm 2024; 01 căn cước công dân số 066094011455, mang tên Nguyễn Xuân T4, ngày sinh 26/11/1994, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47005093, mang tên Nguyễn Xuân T4, biển số đăng ký 47S1 – 270.86, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12 tháng 4 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066172000140, mang tên Vong Đào L4, ngày sinh 18/01/1972, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 29 tháng 3 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số S632711, mang tên Vong Đào L4, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 07 tháng 10 năm 2004; 01 căn cước công dân số 066205005560, mang tên Y Bun ĩn N4, ngày sinh 04/02/2005, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 18 tháng 02 năm 2023; 01 căn cước công dân số 066202016160, mang tên Y Goa B1, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47004012, mang tên Y Goa B1, biển số đăng ký 47S1 – 262.25, do Công an huyện B cấp ngày 26 tháng 01 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066090000283, mang tên Y Kiêng K5, ngày sinh 25/4/1990, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 22 tháng 06 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066200017120, mang tên Y Sắc R5, ngày sinh 21/10/2000, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066093023601, mang tên Y Yít S1, ngày sinh 06/01/1993, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 06 tháng 06 năm 2023; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47 003409, mang tên H Chăn Ly N2, biển số đăng ký 47S1 – 259.33, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 30 tháng 12 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066099002675, mang tên Y Gen R1, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 14 tháng 3 năm 2023; 01 căn cước công dân số 066092002342, mang tên Bun Nhọc Lào, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066183001874, mang tên H Lạng Hwing, ngày sinh 20/06/1983, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066092002091, mang tên Y Brên K19, ngày sinh 01/01/1992, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 19 tháng 04 năm 2021; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007745, mang tên Lê Văn L, biển số đăng ký 47S1 – 083.56, do Công an huyện B cấp ngày 27 tháng 8 năm 2014; 01 căn cước công dân số 066202013726, mang tên Y Mon K13, ngày sinh 28/02/2002, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066090002611, mang tên Y Túy Ê4, ngày sinh 04/11/1990, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066190011896, mang tên H Hà Knul, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066203010180, mang tên Y Gem G1, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 09 tháng 8 năm 2022; 01 căn

cước công dân số 066304013422, mang tên Nang Phôm Nhôm N14, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47 005179, mang tên Nang P, biển số đăng ký 47S1 – 273.21, do Công an huyện B cấp ngày 15 tháng 04 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066177001035, mang tên H Pôp Byă, ngày sinh 07/8/1977, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066172008246, mang tên H Y N, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 giấy chứng minh nhân dân số 240792065, mang tên Nguyễn Đình M5, ngày sinh 27/05/1965, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09 tháng 04 năm 2008; 01 giấy chứng minh nhân dân số 241681549, mang tên Phạm Y Phô Ê, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 05 tháng 12 năm 2013; 01 Giấy phép lái xe số 661164005883, mang tên Nguyễn Thị Thanh T2, ngày sinh 06/8/1995, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 29 tháng 5 năm 2016; 01 Giấy phép lái xe số AB488864, mang tên H Lưà Lào, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 12 tháng 2 năm 2007; 01 Giấy phép lái xe số AX865221, mang tên Y Ly Y, năm sinh 1990, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 01 tháng 12 năm 2012; 01 Giấy phép lái xe số 661118811733, mang tên Văn Thị Lệ T3, sinh ngày: 07/7/1968, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 01 tháng 7 năm 2017; 01 Giấy phép lái xe số 661089004491, mang tên Nguyễn Thị T11, sinh ngày: 12/12/1979, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 12 tháng 8 năm 2016; 01 Giấy phép lái xe số 661073007673, mang tên H Khắt Hwing, sinh ngày: 14/01/1989, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 29 tháng 10 năm 2016; 01 Giấy phép lái xe số 660235001115, mang tên Nguyễn Chanh N5, sinh ngày 12/10/2004, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 16 tháng 01 năm 2023; 01 Giấy phép lái xe số 660241009842, mang tên Nguyễn Đức H3, sinh năm: 1999, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 03 tháng 7 năm 2024; 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 002866, mang tên H Thọa Knul, biển số đăng ký 47R4 – 1434, do Công an huyện B cấp ngày 11 tháng 01 năm 2021; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006220, mang tên H Huyền Ksor, sinh năm 1995, biển số đăng ký 47S1 – 137.02, do Công an huyện B cấp ngày 18 tháng 4 năm 2017; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47 000784, mang tên Y Bin R2, sinh năm 2002, biển số đăng ký 47S1 – 243.51, do Công an huyện B cấp ngày 03 tháng 3 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số AD071210, mang tên H E Siu, năm sinh 1988, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 10 tháng 9 năm 2007 là giấy tờ thuộc quyền sở hữu của những người vay tiền nên cơ quan CSĐT Công an tỉnh ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với những đồ vật, tài liệu thu giữ của bị cáo gồm: 01 căn cước công dân số 066096003167, mang tên Bùi Phước H11, ngày sinh 21/05/1996, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 12 năm 2023; 01 Giấy phép lái xe số 790134788209, mang tên Đặng Đình T8, sinh ngày: 14/04/1968, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014; 01 căn cước công dân số 066204018647, mang tên Đoàn Anh V1, ngày sinh 13/10/2004, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 13 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066201004923, mang tên Bun Chay L9, ngày sinh 20/12/2001, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 01 tháng 9 năm 2021; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007533, mang tên Đoàn Đại D2, biển số đăng ký 47S1 – 146.56, do Công an huyện B cấp

ngày 14 tháng 8 năm 2017; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 013654, mang tên Y Dọt K16, biển số đăng ký 47S1 – 178.78, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25 tháng 09 năm 2018; 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 002573, mang tên H Bon Knul, biển số đăng ký 47R4 - 1982, do Công an huyện B cấp ngày 08 tháng 12 năm 2010; 01 căn cước công dân số 066304012618, mang tên H' Mak Niê, ngày sinh 27/06/2004, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số 066189022464, mang tên Triệu Văn L3, sinh ngày: 01/01/1998, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 28 tháng 12 năm 2018; 01 căn cước công dân số 066195009442, mang tên H Na Ly N17, ngày sinh 15/4/1995, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066191002752, mang tên H Nưm Byă, ngày sinh 05/7/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066304002417, mang tên H' Si Kbuôr, ngày sinh 10/3/2004, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066205002278, mang tên Y Khánh Niê K17, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 004091001337, mang tên Nông Văn T10, ngày sinh 02/02/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số 660197800830, mang tên Nông Văn T10, sinh ngày: 02/02/1991, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 23 tháng 10 năm 2019; 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0032629, mang tên Ngô Tiến G5, biển số đăng ký 99L1 – 9808, do Phòng C5 Công an tỉnh B cấp ngày 23 tháng 7 năm 2007; 01 căn cước công dân số 066082013381, mang tên Y Chiên B8, ngày sinh 01/01/1982, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066075005065, mang tên Y Danh N12, ngày sinh 20/11/1975, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 03 tháng 6 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số 661066006588, mang tên H Lái Byă, ngày sinh 20/11/1982, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 01 tháng 7 năm 2017; 01 căn cước công dân số 066195002145, mang tên H Don Hwing, ngày sinh 04/6/1995, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066206001704, mang tên Y Men K18, ngày sinh 10/02/2006, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066084009729, mang tên Y Ngăh H12, ngày sinh 05/02/1984, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 28 tháng 6 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066202006301, mang tên Y Nok R8, ngày sinh 27/7/2002, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066177002751, mang tên H Lăk Ksor, ngày sinh 13/9/1977, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 30 tháng 6 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066309020290, mang tên H Lim N13, ngày sinh 02/04/2009, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 18 tháng 10 năm 2023; 01 giấy chứng minh nhân dân số 241783195, mang tên Y Ê T, ngày sinh 02/06/1995, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 20 tháng 05 năm 2020; 01 căn cước công dân số 066098000876, mang tên Y HôM M3, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 07 tháng 4 năm 2021; căn cước công dân số 066191018078, mang tên H Tú Hwing, ngày sinh 02/02/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 28 tháng 6 năm 2021; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 011219, mang tên H Tú Wing, biển số đăng ký 47S1 – 191.35, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14 tháng 02 năm 2019; 01 căn cước công dân số 066098018427, mang tên Y

Năm B9, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 001892, mang tên H Dôn Byă, biển số đăng ký 47S1 – 104.20, do Công an huyện B cấp ngày 05 tháng 11 năm 2015; 01 căn cước số 066315002762, mang tên H Lan K20, ngày sinh 05/11/2015, do Bộ C3 cấp ngày 04 tháng 8 năm 2024; 01 căn cước công dân số 066092003862, mang tên Y Páp R9, ngày sinh 11/5/1992, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2023; 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 010143, mang tên Đoàn Văn M4, biển số đăng ký 71S8 – 2221, do Phòng C5 Công an tỉnh B cấp ngày 28 tháng 8 năm 2007; 01 căn cước công dân số 066183001169, mang tên H Thuộm Êban, ngày sinh 11/10/1983, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066098002035, mang tên Khăm Cọt N15, ngày sinh 16/7/1998, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 3 năm 2024; 01 căn cước công dân số 066194018709, mang tên H Buel Byă, ngày sinh 26/5/1994, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 09 tháng 8 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066208007988, mang tên Y Nhi K21 ÊNuôl, ngày sinh 28/3/2008, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 04 tháng 7 năm 2022; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên H Vên HĐok, ngày sinh 15/12/1978, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 20 tháng 02 năm 2003; 01 Giấy phép lái xe số 660083001525, mang tên Y Tho G6, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 03 tháng 01 năm 2024; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 016720, mang tên H Lươn Knul, sinh năm: 1989, biển số đăng ký 47S1 – 216.88, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04 tháng 02 năm 2020; 01 Giấy phép lái xe số 661062004919, mang tên Bua Kẹo L10, sinh ngày: 16/4/1980, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 09 tháng 10 năm 2016; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47003723, mang tên H’Jôl Bkrông, biển số đăng ký 47B2 – 789.36, do Phòng C5 Công an tỉnh Đ cấp ngày 26 tháng 02 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số AB146211, mang tên Y Hại N16, sinh năm: 1979, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 02 tháng 12 năm 2006; 01 căn cước công dân số 066144002916, mang tên H Rốt Rya, ngày sinh 11/10/1944, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47002528, mang tên H Yin Siu, sinh năm 1989, biển số đăng ký 47P1 – 299.80, do Công an huyện E cấp ngày 13 tháng 9 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số 661076006992, mang tên H Yin Siu, sinh ngày: 04/9/1989, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 09 tháng 10 năm 2021; 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 125279, mang tên Y Hót B10, sinh năm 1984, biển số đăng ký 47P5 – 1580, do Công an huyện B cấp ngày 23 tháng 02 năm 2008; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000621, mang tên Vũ Lương Q, sinh năm 1991, biển số đăng ký 47S1 – 026.16, do Công an huyện B cấp ngày 29 tháng 02 năm 2012; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47002072, mang tên H Hiếu Adrong, biển số đăng ký 47AU – 001.51, do Công an huyện B cấp ngày 27 tháng 11 năm 2024; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 008866, mang tên H Pưm Byă, sinh năm 1988, biển số đăng ký 47S1 – 154.11, do Công an huyện B cấp ngày 22 tháng 12 năm 2017; 01 căn cước công dân số 066066004762, mang tên Y Thăn R7, ngày sinh 25/04/1966, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 002801, mang tên Phạm Văn S4, sinh năm 1991, biển số đăng ký 47S1 – 044.05, do Công an huyện B cấp

ngày 10 tháng 10 năm 2012. Đến nay, Cơ quan điều tra vẫn chưa xác định được nguồn gốc, chủ sở hữu, người cầm cố, thế chấp, chưa làm việc được với những người liên quan nên tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp nên không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền 213.096.740 đồng mà bị cáo thu lợi bất chính từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay), đề nghị truy thu từ bị cáo để trả lại cho người vay, cụ thể:

T13 từ bị cáo Nguyễn Thị P để trả cho: Ông Nguyễn Quốc Đ2, số tiền là 12.267.123 đồng; trả cho bà Bé Thị Ước S5 tiền là 23.552.877 đồng; trả cho bà H Brôn Êban số tiền là 5.004.986 đồng; trả cho bà H' E Siu số tiền là 12.070.849 đồng; trả cho Bà S6 Ra Byă số tiền là 12.267.123 đồng; trả cho bà H Mái Ksor số tiền là 2.453.425 đồng; trả cho ông Phạm Y P1 Ê Ban số tiền là 5.888.219 đồng; trả cho ông Nguyễn Văn H2 số tiền là 13.384.795 đồng; trả cho Bà H Diên Knul số tiền là 7.621.973 đồng; trả cho ông Lê Văn L số tiền là 817.808 đồng; trả cho bà H Nhơn Knul số tiền là 3.827.342 đồng; trả cho bà H Thọa Knul số tiền là 6.133.562 đồng; trả cho bà H Y Niê số tiền là 4.906.849 đồng; trả cho bà H Đắp Rya số tiền là 7.360.274 đồng; trả cho bà H Hiêm Ađrong số tiền là 1.690.137 đồng; trả cho ông Nguyễn Minh H số tiền là 283.562 đồng; trả cho bà H Nhớ Glan số tiền là 122.671 đồng; trả cho ông Y Chội B số tiền là 10.478.849 đồng; trả cho bà Đ5 Niêng K4 số tiền là 834.164 đồng; trả cho ông Y Kiêng K5 số tiền là 2.671.507 đồng; trả cho bà H Hà K6 số tiền là 2.235.342 đồng; trả cho ông Y Gen R1 số tiền là 228.986 đồng; trả cho ông Y Goa B1 số tiền là 997.726 đồng; trả cho bà H Pốp Byă số tiền là 2.148.110 đồng; trả cho ông N9 Phôm Nhom N1 số tiền là 196.274 đồng; trả cho Bà Hà Vi Ê2 Ban số tiền là 2.453.425 đồng; trả cho ông B7 Nhọc L10 số tiền là 257.466 đồng; trả cho bà H Triều Kbuôr số tiền là 3.751.014 đồng; trả cho bà H Hoa Kbuôr số tiền là 2.011.808 đồng; trả cho bà H Lư Lào số tiền là 9.813.699 đồng; trả cho ông Y Gem G1 số tiền là 228.986 đồng; trả cho bà H Sáo In Địa Bkrông số tiền là 2.589.726 đồng; trả cho ông Triệu Văn L3 số tiền là 3.887.315 đồng; trả cho ông Nguyễn Đức H3 số tiền là 1.183.096 đồng; trả cho bà H Dẽ Kbuôr số tiền là 1.144.932 đồng; trả cho bà H Chăn Ly N2 số tiền là 490.685 đồng; trả cho H Chặng Mlô số tiền là 1.090.411 đồng; trả cho ông Y Bin R2 số tiền là 1.521.123 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T2 số tiền là 2.535.205 đồng; trả cho bà Văn Thị Lệ T3 số tiền là 3.625.616 đồng; trả cho bà H Khắt Hwing số tiền là 3.680.137 đồng; trả cho H Huyền R3 số tiền là 817.808 đồng; trả cho bà H Du Rya số tiền là 490.685 đồng; trả cho bà Ni Sa K10 số tiền là 3.353.014 đồng; trả cho ông Ma Tuấn H5 số tiền là 2.044.521 đồng; trả cho bà H Lạng Hwing số tiền là 1.995.452 đồng; trả cho bà H On Kẹo Hwing số tiền là 572.466 đồng; trả cho bà H Loét Niê số tiền là 8.287.123 đồng; trả cho bà H Vong Đương Lào số tiền là 327.123 đồng; trả cho ông Y Yít S1 số tiền là 327.123 đồng; trả cho ông Y Sắc R5 số tiền là 1.766.466 đồng; trả cho Nguyễn Xuân T4 số tiền là 1.908.219 đồng; trả cho H Bin Knul số tiền là 1.357.562 đồng; trả cho bà Trần Hải Y số tiền là 845.068 đồng; trả cho ông Y Bun ĩn N4 số tiền là 1.014.082 đồng; trả cho ông Nguyễn Chanh N5 số tiền là 784.274 đồng; trả cho bà H Ứ Hmok số tiền là 817.808 đồng; trả cho ông Y Ly Ya B4 số tiền là 1.635.616 đồng; trả cho bà H Huyền Ksor số tiền là 1.690.137 đồng; trả cho ông

Y Mon K13 số tiền là 408.904 đồng; trả cho bà H Cua Ayun số tiền là 2.944.110 đồng.

Cần Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền gốc và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật (20%/năm) mà bị cáo đã thu từ người vay với tổng số tiền là 464.793.260 đồng, trong đó số tiền bị cáo thu của từng người cụ thể như sau: Thu của ông Nguyễn Quốc Đ2 là 46.232.877 đồng; của bà Bé Thị Ư là 2.367.123 đồng; của bà H Brôn Ê1 là 10.503.014 đồng; của bà H' E Siu là 1.213.151 đồng; của bà S6 Ra Byă là 51.232.877 đồng; của bà H M1 Ksor là 3.746.575 đồng; của ông Phạm Y P1 Ê Ban là 591.781 đồng; của ông Nguyễn Văn H2 là 1.345.205 đồng; của bà H Diên Knul là 19.766.027 đồng; của ông Lê Văn L là 82.192 đồng; của bà H Nhơn K2 là 3.384.658 đồng; của bà H Thọa K3 là 20.616.438 đồng; của bà H Y N là 10.493.151 đồng; của bà H Đấp R là 40.739.726 đồng; của bà H Hiêm Ađrong là 169.863 đồng; của ông Nguyễn Minh H vay tiền là 1.516.438 đồng; của bà H N7 Glan là 12.329 đồng; của ông Y Chội B là 40.053.151 đồng; của bà Đa Niêng K4 là 5.083.836 đồng; của ông Y Kiêng K5 là 268.493 đồng; của bà H Hà K6 là 6.224.658 đồng; của ông Y Gen R1 là 23.014 đồng; của ông Y Goa B1 là 100.274 đồng; của bà H Pôp Byă là 9.215.890 đồng; của ông Nang Phôm Nhom N1 là 19.726 đồng; của bà Hà Vi Ê2 Ban là 2.246.575 đồng; của ông Bun N11 Lào là 2.557.534 đồng; của bà H Triều K7 là 376.986 đồng; của bà H Hoa Kbuôr là 202.192 đồng; của bà H Lua Lào là 986.301 đồng; của ông Y Gem G1 là 23.014 đồng; của bà H Sáo I Địa Bkrông là 17.260.274 đồng; của ông Triệu Văn L3 là 390.685 đồng; của ông Nguyễn Đức H3 là 118.904 đồng; của bà H Dẽ K9 vay tiền là 7.115.068 đồng; của bà H Chăn Ly N2 là 49.315 đồng; của bà H Chặng Mlô là 109.589 đồng; của ông Y Bin R2 là 152.877 đồng; của bà Nguyễn Thị Thanh T2 là 15.254.795 đồng; của bà Văn Thị Lệ T3 là 17.364.384 đồng; của bà H Khắt H4 là 369.863 đồng; của bà H Huyền R3 là 5.082.192 đồng; của bà H Du Rya là 49.315 đồng; của bà Ni Sa K10 là 20.336.986 đồng; của ông Ma Tuấn H5 là 25.205.479 đồng; của bà H Lạng H6 là 200.548 đồng; của bà H On Kẹo H7 là 7.057.534 đồng; của bà H Loết Niê là 10.832.877 đồng; của bà H Vong Dương L5 là 32.877 đồng; của ông Y Yít S1 là 32.877 đồng; của ông Y Sắc R5 là 177.534 đồng; của ông Nguyễn Xuân T4 2.491.781 đồng; của bà H Bin K11 là 3.136.438 đồng; của bà Trần Hải Y là 2.084.932 đồng; của ông Y Bun ĩn N4 là 101.918 đồng; của ông Nguyễn Chanh Nghĩa L11 1.635.726 đồng; của bà H Ư Hmok là 5.082.192 đồng; của ông Y Ly Ya B4 là 5.164.384 đồng; của bà H Huyền Ksor là 10.169.863 đồng; của ông Y Mon K13 là 41.096 đồng; của bà H Cua Ayun là 295.890 đồng; của bà Lê Thị Thúy Đ3 là 5.000.000 đồng.

T13 sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền gốc mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) chưa trả cho bị cáo với tổng số tiền 667.200.000 đồng, cụ thể: Truy thu của ông Nguyễn Quốc Đ2 số tiền 15.000.000 đồng; truy thu của bà Bé Thị Ước S5 tiền 144.000.000 đồng; truy thu của bà H' E Siu số tiền 69.000.000 đồng; truy thu của bà H M1 Ksor số tiền 1.000.000 đồng; truy thu của ông Phạm Y P1 Ê Ban số tiền 5.000.000 đồng; truy thu của ông Nguyễn Văn H2 số tiền 55.000.000 đồng; truy thu của bà H Diên Knul số tiền 15.000.000 đồng; truy thu của ông Lê Văn L số tiền 5.000.000 đồng; truy thu của bà H Nhơn Knul số tiền 15.000.000 đồng; truy thu của bà H Thọa Knul số tiền 5.000.000 đồng; truy thu của

bà H Y Niê số tiền 20.000.000 đồng; truy thu của bà H Đắp Rya số tiền 5.000.000 đồng; truy thu của bà H Hiêm Ađrong số tiền 10.000.000 đồng; truy thu của bà H N7 Glan số tiền 1.500.000 đồng; truy thu của ông Y Chội B số tiền 23.000.000 đồng; truy thu của ông Y Kiêng K5 số tiền 16.000.000 đồng; truy thu của ông Y Gen R1 số tiền 1.400.000 đồng; truy thu của ông Y Goa B1 số tiền 3.000.000 đồng; truy thu của ông Nang Phôm Nhom N1 số tiền 1.200.000 đồng; truy thu của bà Hà Vi Ê2 Ban số tiền 3.000.000 đồng; truy thu của ông Bun N11 Lào số tiền 1.000.000 đồng; truy thu của bà H Triều Kbuôr số tiền 24.000.000 đồng; truy thu của bà H Hoa Kbuôr số tiền 3.000.000 đồng; truy thu của bà H Lưa Lào số tiền 30.000.000 đồng; truy thu của ông Y Gem G1 số tiền 1.400.000 đồng; truy thu của ông Triệu Văn L3 số tiền 23.000.000 đồng; truy thu của ông Nguyễn Đức H3 số tiền 7.000.000 đồng; truy thu của bà H Chăn Ly N2 số tiền 3.000.000 đồng; truy thu của bà H Chặng Mlô số tiền 4.000.000 đồng; truy thu của ông Y Bin R2 số tiền 9.000.000 đồng; truy thu của bà H Khất Hwing số tiền 57.000.000 đồng; truy thu của bà Vong Đào L4 số tiền 11.000.000 đồng; truy thu của bà H Du Rya số tiền 3.000.000 đồng; truy thu của bà H Lạng Hwing số tiền 6.000.000 đồng; truy thu của bà H Loét Niê số tiền 30.000.000 đồng; truy thu của bà H Vong Đương L5 số tiền 4.000.000 đồng; truy thu của ông Y Yít S1 số tiền 1.000.000 đồng; truy thu của ông Y Sắ R5 số tiền 6.000.000 đồng; truy thu của ông Nguyễn Xuân T4 số tiền 1.200.000 đồng; truy thu của bà Trần Hải Y số tiền 3.000.000 đồng; truy thu của ông Y Bun ĩn N4 số tiền 6.000.000 đồng; truy thu của ông Nguyễn Chanh N5 số tiền 2.000.000 đồng; truy thu của ông Y Mon K13 số tiền 2.500.000 đồng; truy thu của bà H Cua Ayun số tiền 16.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Không có ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị P, phạm tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

[2] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2.1] Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 47.900.000 đồng là tiền bị cáo Nguyễn Thị P sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max, đã qua sử dụng, số Imei: 353751257235987, màu: Tím là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số thuê bao 0902.634.588 là công cụ sử dụng vào việc phạm tội. (*đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng các ngày 17/11/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ và Thị hành án Dân sự tỉnh Đắk Lắk*).

[2.2] Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ, trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng, gắn 01 Sim số 0913957600 của Phạm Văn Đ1 nhưng không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội cho Phạm Văn Đ1 là phù hợp.

Đối với: 01 căn cước công dân số 004189005397, mang tên Bé Thị Ư, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066198001558, mang tên H Bin Knul, ngày sinh 25/5/1998, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 04 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066191003333, mang tên H Cua Ayun, ngày sinh 08/6/1991, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 06619007225, mang tên H DỄ Kbuôr, ngày sinh 30/10/1990, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 11 tháng 7 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066301004685, mang tên H Du Rya, ngày sinh 27/01/2001, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 18 tháng 09 năm 2023; 01 căn cước công dân số 066183006411, mang tên H Hiêm Adrong, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 06 tháng 11 năm 2023; 01 căn cước công dân số 066196002015, mang tên H Huyền Rya, ngày sinh 10/09/1996, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066184011990, mang tên H’ Loét Niê, ngày sinh 05/10/1984, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066301001522, mang tên Đa Niêng K4, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước số 066199011092, mang tên H’ Nhớ Glan, do Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 10 năm 2024; 01 căn cước công dân số 066187002489, mang tên H’ Sáo In Địa Bkrông, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 19 tháng 4 năm 2021 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014108, mang tên H’ Sáo In Địa Bkrông, biển số đăng ký 47S1 – 180.36, do Công an huyện B cấp ngày 14 tháng 11 năm 2018; 01 căn cước công dân số 066306001738, mang tên H’ Triều Kbuôr, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 20 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066170012243, mang tên H Vong Đương L5, ngày sinh 20/7/1970, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 17 tháng 3 năm; 01 căn cước công dân số 066307000494, mang tên Hà Vi Ê3, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 070082003343, mang tên Hoàng Xuân T9, ngày sinh 20/10/1982, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 15 tháng 4 năm 2022; 01 căn cước công dân số 051087014598, mang tên Nguyễn Quốc Đ2, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 24 tháng 4 năm 2024; 01 căn cước công dân số 066094011455, mang tên Nguyễn Xuân T4, ngày sinh 26/11/1994, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47005093, mang tên Nguyễn Xuân T4, biển số đăng ký 47S1 – 270.86, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 12 tháng 4 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066172000140, mang tên Vong Đào L4, ngày sinh 18/01/1972, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 29 tháng 3 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số S632711, mang tên Vong Đào L4, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 07 tháng 10 năm 2004; 01 căn cước công dân số 066205005560, mang tên Y Bun Ấn N4, ngày sinh 04/02/2005, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 18 tháng 02 năm 2023; 01 căn cước công dân số 066202016160, mang tên Y Goa B1, do Cục CSQH về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy

số 47004012, mang tên Y Goa B1, biển số đăng ký 47S1 – 262.25, do Công an huyện B cấp ngày 26 tháng 01 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066090000283, mang tên Y Kiên K5, ngày sinh 25/4/1990, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 22 tháng 06 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066200017120, mang tên Y Sắc R5, ngày sinh 21/10/2000, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066093023601, mang tên Y Yết S1, ngày sinh 06/01/1993, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 06 tháng 06 năm 2023; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47 003409, mang tên H Chấn Ly N2, biển số đăng ký 47S1 – 259.33, do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 30 tháng 12 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066099002675, mang tên Y Gen R1, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 14 tháng 3 năm 2023; 01 căn cước công dân số 066092002342, mang tên Bun Nhọc Lào, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066183001874, mang tên H Lạng Hwing, ngày sinh 20/06/1983, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066092002091, mang tên Y Brên K19, ngày sinh 01/01/1992, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 19 tháng 04 năm 2021; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 007745, mang tên Lê Văn L, biển số đăng ký 47S1 – 083.56, do Công an huyện B cấp ngày 27 tháng 8 năm 2014; 01 căn cước công dân số 066202013726, mang tên Y Mon K13, ngày sinh 28/02/2002, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066090002611, mang tên Y Túy Ê4, ngày sinh 04/11/1990, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066190011896, mang tên H Hà Knul, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066203010180, mang tên Y Gem G1, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 09 tháng 8 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066304013422, mang tên Nang Phôm Nhôm N14, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 12 tháng 01 năm 2022; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47 005179, mang tên Nang P, biển số đăng ký 47S1 – 273.21, do Công an huyện B cấp ngày 15 tháng 04 năm 2022; 01 căn cước công dân số 066177001035, mang tên H Pôp Byă, ngày sinh 07/8/1977, do Cục C4 về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021; 01 căn cước công dân số 066172008246, mang tên H Y N, do Cục CSQLHC về TTXH – Bộ C3 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; 01 giấy chứng minh nhân dân số 240792065, mang tên Nguyễn Đình M5, ngày sinh 27/05/1965, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 09 tháng 04 năm 2008; 01 giấy chứng minh nhân dân số 241681549, mang tên Phạm Y Phô Ê, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 05 tháng 12 năm 2013; 01 Giấy phép lái xe số 661164005883, mang tên Nguyễn Thị Thanh T2, ngày sinh 06/8/1995, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 29 tháng 5 năm 2016; 01 Giấy phép lái xe số AB488864, mang tên H Lư Lào, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 12 tháng 2 năm 2007; 01 Giấy phép lái xe số AX865221, mang tên Y Ly Y, năm sinh 1990, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 01 tháng 12 năm 2012; 01 Giấy phép lái xe số 661118811733, mang tên Văn Thị Lệ T3, sinh ngày: 07/7/1968, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 01 tháng 7 năm 2017; 01 Giấy phép lái xe số 661089004491, mang tên Nguyễn Thị T11, sinh ngày: 12/12/1979, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 12 tháng 8 năm 2016; 01 Giấy phép lái xe số 661073007673, mang tên H Khắt Hwing, sinh

ngày: 14/01/1989, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 29 tháng 10 năm 2016; 01 Giấy phép lái xe số 660235001115, mang tên Nguyễn Chanh N5, sinh ngày 12/10/2004, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 16 tháng 01 năm 2023; 01 Giấy phép lái xe số 660241009842, mang tên Nguyễn Đức H3, sinh năm: 1999, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 03 tháng 7 năm 2024; 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 002866, mang tên H Thọa Knul, biển số đăng ký 47R4 – 1434, do Công an huyện B cấp ngày 11 tháng 01 năm 2021; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006220, mang tên H Huyền Ksor, sinh năm 1995, biển số đăng ký 47S1 – 137.02, do Công an huyện B cấp ngày 18 tháng 4 năm 2017; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47 000784, mang tên Y Bin R2, sinh năm 2002, biển số đăng ký 47S1 – 243.51, do Công an huyện B cấp ngày 03 tháng 3 năm 2021; 01 Giấy phép lái xe số AD071210, mang tên H E Siu, năm sinh 1988, do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 10 tháng 9 năm 2007 là giấy tờ thuộc quyền sở hữu của những người vay tiền nên cơ quan CSĐT Công an tỉnh ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[2.3] Thu của bị cáo Nguyễn Thị P số tiền 213.096.740 đồng mà bị cáo thu lợi bất chính trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay), cụ thể:

Trả lại cho ông Nguyễn Quốc Đ2 số tiền là 12.267.123 đồng;
Trả cho bà Bé Thị Ước S5 tiền là 23.552.877 đồng;
Trả cho bà H Brôn Êban số tiền là 5.004.986 đồng;
Trả cho bà H' E Siu số tiền là 12.070.849 đồng;
T14 cho Bà S6 Ra Byă số tiền là 12.267.123 đồng;
Trả cho bà H Mái Ksor số tiền là 2.453.425 đồng;
Trả cho ông Phạm Y P1 Ê Ban số tiền là 5.888.219 đồng;
T14 cho ông Nguyễn Văn H2 số tiền là 13.384.795 đồng;
Trả cho Bà H Diên Knul số tiền là 7.621.973 đồng;
Trả cho ông Lê Văn L số tiền là 817.808 đồng;
Trả cho bà H Nhon Knul số tiền là 3.827.342 đồng;
Trả cho bà H Thọa Knul số tiền là 6.133.562 đồng;
Trả cho bà H Y Niê số tiền là 4.906.849 đồng;
Trả cho bà H Đấp Rya số tiền là 7.360.274 đồng;
Trả cho bà H Hiêm Ađrong số tiền là 1.690.137 đồng;
Trả cho ông Nguyễn Minh H số tiền là 283.562 đồng;
T14 cho bà H Nhớ Glan số tiền là 122.671 đồng;
Trả cho ông Y Chội B số tiền là 10.478.849 đồng;
T14 cho bà Đ5 Niêng K4 số tiền là 834.164 đồng;
Trả cho ông Y Kiêng K5 số tiền là 2.671.507 đồng;
Trả cho bà H Hà K6 số tiền là 2.235.342 đồng;
Trả cho ông Y Gen R1 số tiền là 228.986 đồng;
Trả cho ông Y Goa B1 số tiền là 997.726 đồng;
Trả cho bà H Pốp Byă số tiền là 2.148.110 đồng;
Trả cho ông N9 Phôm Nhom N1 số tiền là 196.274 đồng;
Trả cho Bà Hà Vi Ê2 Ban số tiền là 2.453.425 đồng;
T14 cho ông B7 Nhọc L4 số tiền là 257.466 đồng;

Trả cho bà H Triều Kbuôr số tiền là 3.751.014 đồng;
 Trả cho bà H Hoa Kbuôr số tiền là 2.011.808 đồng;
 Trả cho bà H Lưà Lào số tiền là 9.813.699 đồng;
 Trả cho ông Y Gem G1 số tiền là 228.986 đồng;
 Trả cho bà H Sáo In Địa Bkrông số tiền là 2.589.726 đồng;
 Trả cho ông Triệu Văn L3 số tiền là 3.887.315 đồng;
 Trả cho ông Nguyễn Đức H3 số tiền là 1.183.096 đồng;
 Trả cho bà H Dẻ Kbuôr số tiền là 1.144.932 đồng;
 Trả cho bà H Chăn Ly N2 số tiền là 490.685 đồng;
 Trả cho H Chặng Mlô số tiền là 1.090.411 đồng;
 Trả cho ông Y Bin R2 số tiền là 1.521.123 đồng;
 T14 cho bà Nguyễn Thị Thanh T2 số tiền là 2.535.205 đồng;
 T14 cho bà Văn Thị Lệ T3 số tiền là 3.625.616 đồng;
 Trả cho bà H Khắt Hwing số tiền là 3.680.137 đồng;
 Trả cho H Huyền R3 số tiền là 817.808 đồng;
 Trả cho bà H Du Rya số tiền là 490.685 đồng;
 T14 cho bà Ni Sa K10 số tiền là 3.353.014 đồng;
 Trả cho ông Ma Tuấn H5 số tiền là 2.044.521 đồng;
 Trả cho bà H Lạng Hwing số tiền là 1.995.452 đồng;
 Trả cho bà H On Kẹo Hwing số tiền là 572.466 đồng;
 Trả cho bà H Loét Niê số tiền là 8.287.123 đồng;
 Trả cho bà H Vong Đương Lào số tiền là 327.123 đồng;
 Trả cho ông Y Yít S1 số tiền là 327.123 đồng;
 Trả cho ông Y Sác R5 số tiền là 1.766.466 đồng;
 Trả cho Nguyễn Xuân T4 số tiền là 1.908.219 đồng;
 Trả cho H Bin Knul số tiền là 1.357.562 đồng;
 T14 cho bà Trần Hải Y số tiền là 845.068 đồng;
 Trả cho ông Y Bun ĩn N4 số tiền là 1.014.082 đồng;
 Trả cho ông Nguyễn Chanh N5 số tiền là 784.274 đồng;
 Trả cho bà H Ư Hmok số tiền là 817.808 đồng;
 Trả cho ông Y Ly Ya B4 số tiền là 1.635.616 đồng;
 Trả cho bà H Huyền Ksor số tiền là 1.690.137 đồng;
 Trả cho ông Y Mon K13 số tiền là 408.904 đồng;
 Trả cho bà H Cua Ayun số tiền là 2.944.110 đồng.

[2.4] Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền gốc và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật (20%/năm) mà bị cáo đã thu từ người vay với tổng số tiền là 464.793.260 đồng, trong đó số tiền bị cáo thu của từng người cụ thể như sau: Thu của ông Nguyễn Quốc Đ2 là 46.232.877 đồng; của bà Bé Thị Ư là 2.367.123 đồng; của bà H Brôn Ê1 là 10.503.014 đồng; của bà H' E Siu là 1.213.151 đồng; của bà S6 Ra Byă là 51.232.877 đồng; của bà H M1 Ksor là 3.746.575 đồng; của ông Phạm Y P1 Ê Ban là 591.781 đồng; của ông Nguyễn Văn H2 là 1.345.205 đồng; của bà H Diên Knul là 19.766.027 đồng; của ông Lê Văn L là 82.192 đồng; của bà H Nhon K2 là 3.384.658 đồng; của bà H Thọa K3 là 20.616.438 đồng; của bà H Y N là 10.493.151 đồng; của bà H Đấp R là 40.739.726 đồng; của bà H Hiêm Ađrong là 169.863 đồng; của ông Nguyễn Minh

H vay tiền là 1.516.438 đồng; của bà H N7 Glan là 12.329 đồng; của ông Y Chội B là 40.053.151 đồng; của bà Đa Niêng K4 là 5.083.836 đồng; của ông Y Kiêng K5 là 268.493 đồng; của bà H Hà K6 là 6.224.658 đồng; của ông Y Gen R1 là 23.014 đồng; của ông Y Goa B1 là 100.274 đồng; của bà H Pôp Byă là 9.215.890 đồng; của ông Nang Phôm Nhom N1 là 19.726 đồng; của bà Hà Vi Ê2 Ban là 2.246.575 đồng; của ông Bun N11 Lào là 2.557.534 đồng; của bà H Triều K7 là 376.986 đồng; của bà H Hoa Kbuôr là 202.192 đồng; của bà H Lua Lào là 986.301 đồng; của ông Y Gem G1 là 23.014 đồng; của bà H Sáo I Địa Bkrông là 17.260.274 đồng; của ông Triệu Văn L3 là 390.685 đồng; của ông Nguyễn Đức H3 là 118.904 đồng; của bà H Dẽ K9 vay tiền là 7.115.068 đồng; của bà H Chăn Ly N2 là 49.315 đồng; của bà H Chặng Mlô là 109.589 đồng; của ông Y Bin R2 là 152.877 đồng; của bà Nguyễn Thị Thanh T2 là 15.254.795 đồng; của bà Văn Thị Lệ T3 là 17.364.384 đồng; của bà H Khắt H4 là 369.863 đồng; của bà H Huyền R3 là 5.082.192 đồng; của bà H Du Rya là 49.315 đồng; của bà Ni Sa K10 là 20.336.986 đồng; của ông Ma Tuấn H5 là 25.205.479 đồng; của bà H Lạng H6 là 200.548 đồng; của bà H On Kẹo H7 là 7.057.534 đồng; của bà H Loét Niê là 10.832.877 đồng; của bà H Vong Đương L5 là 32.877 đồng; của ông Y Yít S1 là 32.877 đồng; của ông Y Sắc R5 là 177.534 đồng; của ông Nguyễn Xuân T4 2.491.781 đồng; của bà H Bin K11 là 3.136.438 đồng; của bà Trần Hải Y là 2.084.932 đồng; của ông Y Bun ĩn N4 là 101.918 đồng; của ông Nguyễn Chanh Nghĩa L11 1.635.726 đồng; của bà H Ứ Hmok là 5.082.192 đồng; của ông Y Ly Ya B4 là 5.164.384 đồng; của bà H Huyền Ksor là 10.169.863 đồng; của ông Y Mon K13 là 41.096 đồng; của bà H Cua Ayun là 295.890 đồng; của bà Lê Thị Thúy Đ3 là 5.000.000 đồng.

[2.5] T13 sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền gốc mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thị P với tổng số tiền 667.200.000 đồng, truy thu cụ thể:

T13 của ông Nguyễn Quốc Đ2 số tiền 15.000.000 đồng;
T13 của bà Bé Thị Ước S5 tiền 144.000.000 đồng;
T13 của bà H' E Siu số tiền 69.000.000 đồng;
T13 của bà H M1 Ksor số tiền 1.000.000 đồng;
T13 của ông Phạm Y P1 Ê Ban số tiền 5.000.000 đồng;
T13 của ông Nguyễn Văn H2 số tiền 55.000.000 đồng;
T13 của bà H Diên Knul số tiền 15.000.000 đồng;
T13 của ông Lê Văn L số tiền 5.000.000 đồng;
T13 của bà H Nhơn Knul số tiền 15.000.000 đồng;
Thu của bà H Thọa Knul số tiền 5.000.000 đồng;
Thu của bà H Y Niê số tiền 20.000.000 đồng;
Thu của bà H Đấp Rya số tiền 5.000.000 đồng;
Thu của bà H Hiêm Ađrong số tiền 10.000.000 đồng;
T13 của bà H N7 Glan số tiền 1.500.000 đồng;
T13 của ông Y Chội B số tiền 23.000.000 đồng;
T13 của ông Y Kiêng K5 số tiền 16.000.000 đồng;
T13 của ông Y Gen R1 số tiền 1.400.000 đồng;
T13 của ông Y Goa B1 số tiền 3.000.000 đồng;
T13 của ông Nang Phôm Nhom N1 số tiền 1.200.000 đồng;

T13 của bà Hà Vi Ê2 Ban số tiền 3.000.000 đồng;
T13 của ông Bun N11 Lào số tiền 1.000.000 đồng;
T13 của bà H Triều Kbuôr số tiền 24.000.000 đồng;
Thu của bà H Hoa Kbuôr số tiền 3.000.000 đồng;
Thu của bà H Lưà Lào số tiền 30.000.000 đồng;
T13 của ông Y Gem G1 số tiền 1.400.000 đồng;
T13 của ông Triệu Văn L3 số tiền 23.000.000 đồng;
T13 của ông Nguyễn Đức H3 số tiền 7.000.000 đồng;
T13 của bà H Chăn Ly N2 số tiền 3.000.000 đồng;
Thu của bà H Chặng Mlô số tiền 4.000.000 đồng;
T13 của ông Y Bìn R2 số tiền 9.000.000 đồng;
T13 của bà H Khắt Hwing số tiền 57.000.000 đồng;
T13 của bà V2 Đào Lào số tiền 11.000.000 đồng;
T13 của bà H Du Rya số tiền 3.000.000 đồng;
Thu của bà H Lạng Hwing số tiền 6.000.000 đồng;
Thu của bà H Loét Niê số tiền 30.000.000 đồng;
T13 của bà H Vong Đương L5 số tiền 4.000.000 đồng;
T13 của ông Y Yít S1 số tiền 1.000.000 đồng;
T13 của ông Y Sắ R5 số tiền 6.000.000 đồng;
T13 của ông Nguyễn Xuân T4 số tiền 1.200.000 đồng;
T13 của bà Trần Hải Y số tiền 3.000.000 đồng;
T13 của ông Y Bun ĩn N4 số tiền 6.000.000 đồng;
T13 của ông Nguyễn Chanh N5 số tiền 2.000.000 đồng;
T13 của ông Y Mon K13 số tiền 2.500.000 đồng;
T13 của bà H Cua Ayun số tiền 16.000.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2- Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 2- Đắk Lắk;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Định Tình